



BÀI NGHIÊN CỨU NC-29

Những vấn đề nổi bật của kinh tế Trung Quốc sau Đại hội XVIII

Phạm Sỹ Thành

Những vấn đề nổi bật của kinh tế Trung Quốc sau Đại hội XVIII

Phạm Sỹ Thành¹

*Quan điểm được trình bày trong bài nghiên cứu này là của tác giả và không nhất thiết
phản ánh quan điểm của VEPR*

¹ Tiến sỹ, Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc (VCES) thuộc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR). Email: pham.sythanh@vepr.org.vn

Dẫn nhập

Sau 10 năm dưới sự lãnh đạo của tập thể thể hệ lãnh đạo thứ 4 (thời Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào), Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu mới về kinh tế và chính trị. Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVIII – Đại hội chuyển giao quyền lực cho thế hệ lãnh đạo thứ 5 (thời Tổng Bí thư Tập Cận Bình) – diễn ra vào tháng 11/2012 trong bối cảnh Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, đồng thời đang đứng trước áp lực của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Do ảnh hưởng của Trung Quốc đối với thế giới và khu vực ngày càng lớn, Đại hội XVIII thu hút không chỉ sự chú ý của người dân Trung Quốc mà còn của nhiều quốc gia trên thế giới – đặc biệt là các quốc gia lân cận.

Hộp. Những sự kiện nổi bật của thế hệ lãnh đạo Hồ Cẩm Đào – Ôn Gia Bảo trong 10 năm qua

Về chính trị và ngoại giao:

- Mặc dù bị phe điều hậu trong nước phê phán là nhu nhược, nhưng thái độ của Hồ Cẩm Đào đối với những vấn đề ngoại giao (như các vấn đề tranh chấp biển đảo với Nhật Bản tại chuỗi đảo Senkaku/Điếu Ngư Đảo và với các nước ASEAN tại biển Đông vẫn tương đối kiềm chế tốt. Năm 1950, Mao Trạch Đông điều quân sang bán đảo Triều Tiên và giao chiến trực diện với Mỹ; năm 1979, Đặng Tiểu Bình xua quân sang tấn công Việt Nam tại vùng biên giới; năm 1996, Giang Trạch Dân thử tên lửa đạn đạo và diễn tập quân sự hướng thẳng về Đài Loan đều là những bằng chứng cho thấy sự cứng rắn về thái độ đối ngoại của các chính phủ tiền nhiệm. Ngoài ra, sau khi Hồ Cẩm Đào ra sức tuyên truyền cho sự “trỗi dậy hòa bình” (和平崛起) của Trung Quốc và nhận thấy những phản ứng không hoan nghênh từ các nước láng giềng, đã chuyển chiến lược này thành “phát triển hòa bình” (和平发展).
- Trong quan hệ với Đài Loan, Hồ Cẩm Đào đã xoay chuyển tình hình quan hệ hai bờ sau cuộc khủng hoảng năm 1996. Sau khi lên nắm quyền, việc đầu tiên Hồ Cẩm Đào làm với chính quyền Đài Loan là giải quyết các vấn đề mà lịch sử để lại, khẳng định sự đóng góp của Quốc dân Đảng trong kháng chiến chống Nhật. Nhờ đó quan hệ hai bờ ngày càng được cải thiện, dù mức độ thực tế vẫn cần thêm thời gian kiểm chứng.
- Về công tác của chính phủ, sau khi lên làm chủ tịch nước, Hồ Cẩm Đào quyết định 5 cơ quan lãnh đạo tối cao của trung ương (gồm trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc; Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc; Quốc vụ viện; Hiệp thương chính trị nhân dân toàn quốc và Quân ủy trung ương) không đến Bắc Đới Hà họp vào kì nghỉ hè hàng năm, việc làm này đã xóa bỏ truyền thống được Đảng Cộng sản duy trì từ năm 1953. Việc này tiết kiệm chi phí hàng trăm triệu Nhân dân tệ.
- Hồ Cẩm Đào đã ngầm xóa bỏ sự kiêng kỵ, e dè trong việc nhắc đến Hồ Diệu Bang trong nội bộ Đảng, điều đã tồn tại từ ngày 4 tháng 6 năm 1989. Năm 2005, đích thân tổ chức hoạt động kỉ niệm 90 năm ngày sinh của Hồ Diệu Bang. Ngoài ra, cũng cho phép trong nước có thể search các từ khóa liên quan đến “Triệu Từ Dương” mặc dù những nội dung nhạy cảm đã bị kiểm duyệt.
- Trong việc xử lí các vấn đề vũ khí hạt nhân tại Bắc Triều Tiên, Trung Quốc đã từ bỏ nguyên tắc ngoại giao vốn theo đuổi bấy lâu nay trong vấn đề này là “không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác” – một thông điệp dễ mặc cho Bắc Triều Tiên có thể tự ý phát triển vũ khí hạt nhân của nước này. Thay vào đó, Trung Quốc dùng ảnh hưởng của mình với Bắc Triều Tiên để giữ nước này ở lại trong khuôn khổ của Hội đàm 6 bên.
- Vấn đề tham nhũng không những không được kiểm soát mà còn có chiều hướng lan rộng. Sách trắng chống tham nhũng của Trung Quốc cho biết trong thời gian 2003 – 2009, số hồ sơ thụ lý nhằm xử lí hành vi nhận tham ô, hối lộ, tham nhũng, chạy chức chạy quyền đã vượt qua 240.000 hồ sơ, bình quân mỗi năm có 94 hồ sơ.

* Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES)

Trong giai đoạn 10 năm cầm quyền của Hồ Cẩm Đào, có 2 Ủy viên Bộ Chính trị bị cách chức, điều tra. Đây là điều chưa từng xảy ra kể từ năm 1978.

Về kinh tế:

- Tăng trưởng GDP của Trung Quốc bình quân tăng trưởng 2 con số trong giai đoạn này và tổng mức GDP đã tăng gấp hơn 4 lần, lần lượt vượt qua Đức, Nhật để trở thành nền kinh tế có quy mô lớn thứ 2 trên thế giới. Năm 2011, kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc đứng thứ 2 thế giới, liên tiếp 3 năm là nước xuất khẩu lớn nhất và nước nhập khẩu lớn thứ 2 trên thế giới. Trong 10 năm qua, dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc đã tăng gấp 10 lần, trở thành nước có dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới với hơn 3240 tỉ USD dự trữ (tính đến cuối tháng 6 năm 2012).
- Trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng nhanh chóng, năm 2003, Hồ Cẩm Đào đề ra “quan điểm phát triển khoa học”, tức “lấy con người làm gốc, (thực hiện sự phát triển) toàn diện, đồng bộ, bền vững”. Bên cạnh việc phát triển kinh tế, Trung Quốc cũng chú trọng hơn đến các vấn đề như phát triển cân bằng, hiệu quả, ô nhiễm môi trường v.v.
- Tuy nhiên, mô hình “quốc tiến, dân thoái” khiến cho khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp nhiều khó khăn trong việc huy động vốn, cộng thêm gánh nặng thuế thu khiến cho khu vực này khó tồn tại khi tình hình kinh tế thế giới xuất hiện suy thoái, luồng vốn chảy ra nước ngoài v.v.
- Kết cấu ngành kinh tế “dị dạng”, bắt buộc phải điều chỉnh kết cấu ngành. Nhưng có quá nhiều khó khăn trong việc nâng cấp ngành. Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc dựa quá nhiều vào xuất khẩu. Tiêu dùng chưa phát huy được tác dụng thúc đẩy tăng trưởng thực sự.
- Chính quyền địa phương vay các khoản nợ lớn. Báo cáo của Văn phòng Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc cho biết, đến cuối năm 2010, số nợ của các tỉnh thành Trung Quốc đã lên tới 10.000 tỉ CNY (cụ thể là 10,717491 nghìn tỉ), gấp 2,5 lần gói kích cầu kinh tế cuối năm 2008.

Về xã hội:

- Năm 2006: xóa bỏ thuế nông nghiệp, hàng trăm triệu nông dân được hưởng lợi
- Cải cách y tế bước đầu thu được kết quả. Số liệu NBS cho thấy, đến cuối năm 2011, hơn 1,3 tỉ dân Trung Quốc đã được đóng bảo hiểm y tế, với mức phí tăng từ 80 CNY (năm 2008) lên 200 CNY. Mặc dù vậy, số người khám bệnh sử dụng bảo hiểm y tế để chi trả còn quá ít, khám bệnh vẫn khó và đắt.
- Tốc độ đô thị hóa kể từ năm 2010 đã được đẩy mạnh, số liệu Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc cho thấy đến cuối năm 2011, số người thường trú tại các đô thị của Trung Quốc đã đạt 691 triệu, tỉ lệ đô thị hóa đạt 51,27%, tăng 12,26% so với năm 2002 – tăng khoảng 189 triệu người. Mặc dù vậy, hiệu quả sử dụng đất rất thấp, quy hoạch xây dựng còn nhiều hỗn loạn, môi trường nhiều thành phố ô nhiễm nghiêm trọng.

Về quân sự:

- Năm 2003, theo quyết định của Hồ Cẩm Đào, Trung Quốc mua lại thân hàng không mẫu hạm, để đến nay, quốc gia này có hàng không mẫu hạm Liêu Ninh hạ thủy.
- Trung Quốc còn có tên lửa chống hàng không mẫu hạm và vũ khí chống vệ tinh hiện đại

Nguồn: Tác giả tổng hợp

1. So sánh những nội dung mới về phát triển kinh tế và mở cửa của Trung Quốc được nêu trong Báo cáo chính trị Đại hội XVIII so với Báo cáo chính trị Đại hội XVII

Chúng tôi nhận định rằng, những tín hiệu phát đi từ những nội dung mới của Báo cáo Đại hội XVIII bao gồm:

- Vấn đề chuyển đổi phương thức phát triển tiếp tục có sự chuyển biến về nhận thức.
- Vấn đề công bằng, bình đẳng (giữa vùng miền, thành thị - nông thôn, các chế độ sở hữu v.v.) nổi bật hơn bao giờ hết.
- Cải cách tài chính ngân hàng sẽ nhận được sự quan tâm lớn hơn.
- Kinh tế tư nhân có thể nhận được sự hỗ trợ tốt hơn 5 năm trước.

- Kinh tế biển và hoạt động trên biển sẽ là một trọng tâm của các hoạt động kinh tế trong 5 năm tới

Ngoài ra, chúng tôi cũng cho rằng nội dung về phát triển kinh tế được soạn thảo trong Báo cáo Chính trị của Đại hội XVIII rõ ràng và có giá trị chỉ đạo lớn hơn nhiều so với Báo cáo của Đại hội XVII (Bảng 1).

Bảng 1: So sánh khác biệt lớn về nội dung phát triển kinh tế được nêu lên trong Báo cáo Đại hội XVII và XVIII

Nội dung tổng thể	
Đại hội XVII	Đại hội XVIII
<p>1. Hai trọng tâm kinh tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Xây dựng xã hội khá giả toàn diện (IV) (实现全面建设小康社会奋斗目标的新要求) ➢ Thúc đẩy kinh tế quốc dân phát triển vừa tốt vừa nhanh (V) (促进国民经济又好又快发展) 	<p>1. Hai trọng tâm phát triển kinh tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Hoàn thành việc xây dựng xã hội khá giả toàn diện (III) (全面建成小康社会和全面深化改革开放的目标) ➢ Đẩy nhanh việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và chuyển đổi phương thức phát triển (IV) (加快完善社会主义市场经济体制和加快转变经济发展方式) <p>Đánh giá: Nội dung vẫn như Báo cáo Đại hội XVII nhưng việc đưa hai mục tiêu “hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa” và “chuyển đổi phương thức phát triển” thành một tiêu đề mục của Báo cáo Đại hội XVIII cho thấy Trung Quốc muốn xác định rõ hơn phương hướng cải cách và phát triển trong thời gian 5 năm tiếp theo, tránh sự mơ hồ như tiêu đề mục của Báo cáo Đại hội XVII. Đồng thời, điều này cũng cho thấy, công cuộc xây dựng kinh tế thị trường ở Trung Quốc vẫn còn đang dang dở.</p>
<p>2. Bộ cục tổng thể "4 trong 1" gồm: xây dựng kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội. Mặc dù nội dung xây dựng văn minh sinh thái đã được đưa vào như một trong những tiêu chí đánh giá mức độ thành công của việc xây dựng xã hội khá giả toàn diện.</p> <p>Không có nội dung về phát triển kinh tế biển.</p>	<p>2. Bộ cục tổng thể "5 trong 1" gồm: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, xây dựng văn minh sinh thái.</p> <p>Phát triển kinh tế biển, đưa Trung Quốc trở thành cường quốc biển lần đầu tiên được đưa vào nội dung Báo cáo Chính trị của một kỳ Đại hội Đảng (提高海洋资源开发能力, 发展海洋经济, 保护海洋生态环境, 坚决维护国家海洋权益, 建设海洋强国)</p> <p>Đánh giá: Phát triển kinh tế biển nằm trong phát triển văn minh sinh thái, trụ cột thứ 5 mà Trung Quốc đang xây dựng. Mặc dù việc đưa phát triển kinh tế biển và biển Trung Quốc thành cường quốc biển chỉ nằm trong phần phát triển văn minh sinh thái, một động thái có lẽ nhằm tránh sự tập trung và quan tâm của các quốc gia láng giềng đến chiến lược biển của Trung Quốc nhưng điều quan trọng là nội dung này đã được đưa vào Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng – một dạng “Kế hoạch 5 năm” của tổ chức chính trị này - và là một trong 5 trụ cột trong sự phát triển của Trung Quốc trong tương lai. Lịch sử phát triển của các cường quốc cho thấy muốn trở thành cường quốc thực sự thì thể chế không trở thành cường quốc về biển. Như trường hợp của Anh, Mỹ, Nga, Ấn Độ v.v. Trung Quốc có lẽ cũng nhận thức được điều này</p>
Xây dựng xã hội khá giả toàn diện	
<p>3. Chỉ đề cập đến tổng mức GDP. Đến 2020, GDP bình quân theo đầu người tăng gấp 4 lần so với năm 2000 (实现人均国内生产总值到二〇二〇年比二〇〇〇年翻两番)</p>	<p>3. Gồm cả mục tiêu GDP và thu nhập bình quân thành thị - nông thôn. Đến năm 2020, GDP và thu nhập bình quân của cư dân thành thị, nông thôn đều tăng gấp đôi so với năm 2010 (实现国内生产总值和城乡居民人均收入比二〇一〇年翻一番).</p>

<p>Báo cáo Đại hội XVII nêu mục tiêu “thực hiện xây dựng toàn diện” (确保到二〇二〇年实现全面建成小康社会的奋斗目标)</p> <p>Ngoài ra, Báo cáo Đại hội XVII chỉ nêu mục tiêu “tỉ trọng dân số thành thị tăng rõ rệt” (城镇人口比重明显增加)</p>	<p>Mục tiêu xây dựng xã hội khá giả đã được chuyển thành “đảm bảo đến năm 2020 hoàn thành xây dựng toàn diện” (确保到二〇二〇年实现全面建成小康社会宏伟目标)</p> <p>Báo cáo Đại hội XVIII nhận thức được những hạn chế của quá trình đô thị hóa chạy theo diện rộng, không đảm bảo được sự phát triển kịp thời của cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ, hàng hóa công tại các đô thị nên đã sửa lại mục tiêu này thành “nâng cao chất lượng đô thị hóa một cách rõ rệt” (城镇化质量明显提高)</p> <p>Đánh giá: Bên cạnh việc khẳng định Trung Quốc trong giai đoạn của thể hệ lãnh đạo thứ 5 phải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng xã hội khá giả toàn diện (Báo cáo XVII đặt mục tiêu phần đầu), báo cáo lần này còn chú trọng đến công bằng. Điều này cho thấy mức độ bất bình đẳng/chênh lệch thu nhập, phân hóa giàu nghèo đã lên đến ngưỡng cao. Tuy nhiên, nỗ lực thu hẹp chênh lệch thu nhập của chính phủ có thể làm chậm quá trình hình thành của tầng lớp trung lưu và mục tiêu mở rộng nhu cầu trong nước. Nhấn mạnh thành quả phát triển mang lại lợi ích công bằng hơn cho nhân dân, đề xuất “công bằng quyền lợi, công bằng cơ hội, công bằng luật chơi”.</p>
<p>Đẩy nhanh việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa</p>	
<p>4. Về quan hệ giữa các loại hình chế độ sở hữu:</p> <p>Báo cáo Đại hội XVII khẳng định chế độ kinh tế cơ bản của Trung Quốc là chế độ sở hữu công hữu tiếp tục là chủ thể (của nền kinh tế), bên cạnh đó khẳng định sự tồn tại hợp pháp và phát triển của các thành phần kinh tế thuộc chế độ sở hữu khác (坚持和完善公有制为主体、多种所有制经济共同发展的基本经济制度)</p> <p>Ngoài ra, Báo cáo Đại hội XVII chỉ đề cập đến quan hệ giữa chế độ công hữu và các chế độ sở hữu khác ở mức “cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy lẫn nhau” (形成各种所有制经济平等竞争、相互促进新格局) tức mới chỉ nhấn mạnh đến cạnh tranh trên thị trường sản phẩm</p>	<p>4. Một điều đáng kinh ngạc là cụm từ “kiên trì và hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản trong đó chế độ công hữu là chủ thể, nhiều thành phần kinh tế thuộc chế độ sở hữu khác cùng phát triển” (坚持和完善公有制为主体、多种所有制经济共同发展的基本经济制度) đã không còn xuất hiện trong Báo cáo Đại hội XVIII.</p> <p>Nhấn mạnh sự cạnh tranh công bằng, xóa dần quyền ưu tiên đối với kinh tế thuộc chế độ sở hữu nhà nước, quy định “đảm bảo các thành phần kinh tế thuộc mọi chế độ sở hữu đều sử dụng yếu tố sản xuất theo pháp luật, tham gia cạnh tranh thị trường một cách công bằng, nhận được sự bảo vệ như nhau của pháp luật” (保证各种所有制经济依法平等使用生产要素、公平参与市场竞争、同等受到法律保护)</p> <p>Đánh giá: Điều này dường như báo hiệu những cải cách mạnh mẽ hơn nữa trong khu vực SOEs cũng như tạo điều kiện hơn cho kinh tế tư nhân – những cải cách mà trong giai đoạn thể hệ lãnh đạo của Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo đã có phần chững lại. Chuyển đi công tác đầu tiên trong nước của ông Tập Cận Bình sau ngày trở thành Tổng bí thư Đảng đến Thẩm Quyển, Quảng Đông gợi nên nhiều suy ngẫm thú vị. Điều này một phần gợi nhớ đến cha ông – ông Tập Trọng Huân, người có công biến làng chài Bảo An nghèo khó thành đặc khu kinh tế Thẩm Quyển phồn vinh bậc nhất. Đồng thời, nó làm gợi nhớ đến chuyến tuần du phương Nam của ông Đặng Tiểu Bình vào năm 1992. Sau chuyến đi đó, cùng một loạt bài nói chuyện của ông Đặng, kinh tế tư nhân Trung Quốc đã nhận được sự thừa nhận và khuyến khích rất đáng kể của chính phủ. Bên cạnh đó, một chuyển biến quan trọng là lần đầu tiên trong quan hệ giữa sở hữu nhà nước và ngoài nhà nước đã nhấn mạnh mức độ công bằng, bình đẳng trong việc tiếp cận các yếu tố đầu vào của sản xuất.</p>
<p>5. Các loại hình tổ chức tín dụng vẫn</p>	<p>5. Cải cách hệ thống tài chính tiền tệ có một nội dung mới là nhấn</p>

<p>biểu đạt chung chung</p>	<p> mạnh đến việc tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng ngoài nhà nước phát triển (加快发展民营金融机构).</p> <p>Đánh giá: Sự phát triển của ngành tài chính – ngân hàng Trung Quốc hiện nay vẫn mang đặc điểm do kinh tế nhà nước kiểm soát, đồng thời tương đối khép kín với bên ngoài. Điều này gây nên nhiều hậu quả kinh tế và xã hội (nợ xấu địa phương theo mô hình Trung Quốc hoặc tín dụng đen). Việc đưa vào nội dung mới tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng ngoài nhà nước phát triển mạnh mẽ hơn nữa là một bước tiến đáng kể trong tiến trình lành mạnh hóa và nâng cao hiệu quả của hệ thống tài chính tiền tệ Trung Quốc. Đặc biệt, đây được coi là điều kiện quan trọng để mở cửa tài khoản vốn, tiến tới xây dựng một đồng tiền quốc tế.</p>
<p>6. Xác định cải cách tài chính tiền tệ nhưng mục tiêu chưa thực sự rõ ràng</p>	<p>6. Cải cách tài chính tiếp tục là một trong những trọng tâm của phần cải cách theo hướng thị trường hóa như Báo cáo chính trị Đại hội XVII nhưng với những mục tiêu và phương hướng cải cách tài chính tiền tệ đã rõ ràng hơn. Đó là, hệ thống tài chính tiền tệ phải (1) thúc đẩy sự ổn định kinh tế vĩ mô và (2) hỗ trợ kinh tế thực phát triển (深化金融体制改革, 健全促进宏观经济稳定、支持实体经济发展的现代金融体系)</p> <p>Đánh giá: Nội dung này nhằm ngăn ngừa tình trạng chính sách tài chính tiền tệ không hướng đến khu vực kinh tế sản xuất vật chất, gây nên bong bóng tài sản, dẫn đến bất ổn kinh tế vĩ mô – điều đã xuất hiện từ cuối năm 2008 sau khi Trung Quốc đưa ra gói kích thích kinh tế 4000 tỉ CNY cũng như một số chính sách tài chính tiền tệ sai lầm trước đó khiến giá bất động sản và chứng khoán tăng cao.</p>
<p>7. Mới chỉ đề ra mục tiêu hoàn thiện cơ chế hình thành tỉ giá đồng Nhân dân tệ (完善人民币汇率形成机制)</p>	<p>7. Cải cách theo hướng thị trường hóa đối với lãi suất và tỉ giá (稳步推进利率和汇率市场化改革)</p> <p>Đánh giá: Sau khi cải cách giá cả theo hướng thị trường hóa đã hoàn thành vào cuối những năm 1990s, thị trường sản phẩm, thị trường lao động, thị trường khoa học công nghệ đã chấm dứt tình trạng phân chia, cát cứ địa phương và phần lớn đều do cơ chế thị trường quyết định sự vận hành thì thị trường vốn là lĩnh vực cuối cùng cần thực hiện cải cách theo hướng kinh tế thị trường – giảm bớt can thiệp hành chính, theo ý chí chủ quan. Vì vậy, có thể coi nội dung này là một trong những nỗ lực cải cách lớn lao và cuối cùng để đánh dấu hoàn thành việc “thị trường hóa” các yếu tố sản xuất của Trung Quốc.</p>
<p>8. Đã xác định mục tiêu đưa Trung Quốc trở thành quốc gia giàu sức sáng tạo nhưng cách thức thực hiện chưa được nêu rõ ràng, các loại năng lực sáng tạo chưa được phân loại.</p>	<p>8. Mục tiêu để đưa Trung Quốc trở thành quốc gia giàu khả năng sáng tạo cụ thể hơn Báo cáo XVII. Trong 3 năng lực sáng tạo (gồm: sáng tạo mang tính lần đầu, sáng tạo mang tính hệ thống lớn, và năng lực tiếp thu, chuyển hóa để tái sáng tạo) thì sáng tạo mang tính lần đầu được đưa lên hàng đầu (提高原始创新、集成创新和引进消化吸收再创新能力).</p> <p>Đánh giá: Điều này một mặt thể hiện điểm yếu của khoa học công nghệ Trung Quốc hiện nay là chưa chiếm lĩnh được các công nghệ đỉnh cao và mới. Mặt khác cho thấy chính sách đầu tư khoa học công nghệ thiên về R&D và ít đầu tư cho khoa học cơ bản trước kia không thu được kết quả như mong đợi.</p>
<p>9. Chỉ có mục tiêu: thực thi chiến lược quyền sở hữu trí tuệ (实施知识产权战略)</p>	<p>9. Bên cạnh mục tiêu thực thi chiến lược quyền sở hữu trí tuệ như trong Báo cáo XVII, Báo cáo XVIII lần đầu tiên đề cập đến việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (实施知识产权战略, 加强知识产权保护).</p> <p>Đánh giá: Đây là điều kiện để thực hiện nhiệm vụ biến Trung Quốc thành quốc gia giàu tính sáng tạo. Đồng thời cũng là điều kiện để cải thiện quan hệ đầu tư và thương mại với EU và Mỹ.</p>
<p>Chuyển đổi phương thức phát triển</p>	
<p>10. Xác định 3 lĩnh vực cần thực hiện để</p>	<p>10. Chuyển đổi phương thức phát triển hình thành một phương thức</p>

<p>chuyên đôi phương thức phát triển gồm: “cỗ xe tam mã”; chính sách ngành; khoa học công nghệ, trình độ quản lí và tổ chức con người (促进经济增长由主要依靠投资、出口拉动向依靠消费、投资、出口协调拉动转变, 由主要依靠第二产业带动向依靠第一、第二、第三产业协同带动转变, 由主要依靠增加物质资源消耗向主要依靠科技进步、劳动者素质提高、管理创新转变)</p>	<p>phát triển với “5 cái hơn”, trong đó nổi bật là nhấn mạnh đến sự phát triển đồng đều, hài hòa giữa vùng miền và thành thị với nông thôn. “5 cái hơn” là: tiêu dùng nhiều hơn; kết cấu ngành dịch vụ hiện đại và mang tính chiến lược hơn; sử dụng khoa học công nghệ hiện đại, năng lực quản lí và tổ chức con người cao hơn; tiết kiệm và kinh tế tuần hoàn; thành thị - nông thôn và vùng miền phát triển đồng đều và hỗ trợ lẫn nhau hơn (使经济发展更多依靠内需特别是消费需求拉动, 更多依靠现代服务业和战略性新兴产业带动, 更多依靠科技进步、劳动者素质提高、管理创新驱动, 更多依靠节约资源和循环经济推动, 更多依靠城乡区域发展协调互动, 不断增强长期发展后劲)</p>
<p>11. Chính sách ngành phục vụ phát triển kinh tế: chuyên từ chủ yếu phát triển dựa vào nhóm ngành 2 sang dựa vào sự thúc đẩy đồng bộ của nhóm ngành 1,2 và 3 (由主要依靠第二产业带动向依靠第一、第二、第三产业协同带动转变)</p>	<p>11. Dựa nhiều hơn vào sự dẫn dắt của ngành dịch vụ hiện đại (tức là nhóm ngành 3) và các ngành chiến lược mới.</p> <p>Đánh giá: Lựa chọn chính sách ngành luôn có tầm quan trọng đặc biệt đối với mỗi quốc gia, Báo cáo đại hội XVIII cho thấy Trung Quốc đã nhận thức được tầm quan trọng của các ngành dịch vụ hiện đại (trong đó trung tâm là tài chính tiền tệ) và ngành chiến lược, mới đối với việc xây dựng chính sách ngành. Đây cũng là tín hiệu khẳng định thêm về một đợt cải cách mới trong lĩnh vực tài chính tiền tệ.</p>
<p>12. Cỗ xe tam mã tăng trưởng kinh tế: Báo cáo Đại hội XVII khẳng định động lực tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ “chuyên từ chủ yếu dựa vào đầu tư, xuất khẩu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế sang dựa vào tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu” (促进经济增长由主要依靠投资、出口拉动向依靠消费、投资、出口协调拉动转变)</p>	<p>12. Động lực tăng trưởng là tiêu dùng trong nước + đầu tư ở mức hợp lí. Không đề cập đến vai trò của xuất khẩu như một động lực của tăng trưởng (要牢牢把握扩大内需这一战略基点, 加快建立扩大消费需求长效机制, 释放居民消费潜力, 保持投资合理增长, 扩大国内市场规模)</p> <p>Đánh giá: Chuyển biến mạnh mẽ về tư duy tăng trưởng kinh tế của các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc. Việc từ bỏ mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu mặc dù khó khăn và lâu dài nhưng có lẽ không còn xa. Động thái đầu tiên của quá trình này thực chất đã được tiến hành từ năm 2010 với việc ban hành Danh mục đầu tư FDI mới.</p>

2. Phương hướng phát triển kinh tế Trung Quốc sau Đại hội XVIII

Theo những nội dung kinh tế của Báo cáo Chính trị Đại hội XVIII như nêu ở trên, chúng tôi cho rằng những ưu tiên về mặt kinh tế mà thể hệ các nhà lãnh đạo hiện nay của Trung Quốc – đứng đầu là ông Tập Cận Bình – hướng đến sẽ tập trung vào 3 lĩnh vực trọng yếu:

- Duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức độ bền vững (hàm ý cả về chất lượng lẫn tốc độ tăng trưởng). Điều này đòi hỏi phải khắc phục những mất cân bằng về mặt mô hình tăng trưởng.

- Cải thiện dân sinh (bao gồm giải quyết một loạt thách thức mà thể hệ các nhà lãnh đạo trước đó chưa giải quyết triệt để được như cải thiện thu nhập; hoàn thành xây dựng xã hội khá giả toàn diện; cải thiện tình trạng bất bình đẳng; xây dựng hệ thống an sinh xã hội – đặc biệt tại nông thôn).

- Tiếp tục kiên trì mở cửa hội nhập về kinh tế để tăng cường ảnh hưởng kinh tế ra bên ngoài (bao gồm: (1) thực hiện các cam kết tự do hóa đời sống kinh tế như giải quyết quan hệ giữa chính phủ với thị trường; giữa kinh tế tư nhân với kinh tế nhà nước; mở cửa thị trường dịch

vụ - tài chính; tiếp tục xây dựng kinh tế thị trường/tăng cường mức độ thị trường hóa của nền kinh tế (2) trở thành cường quốc biển).

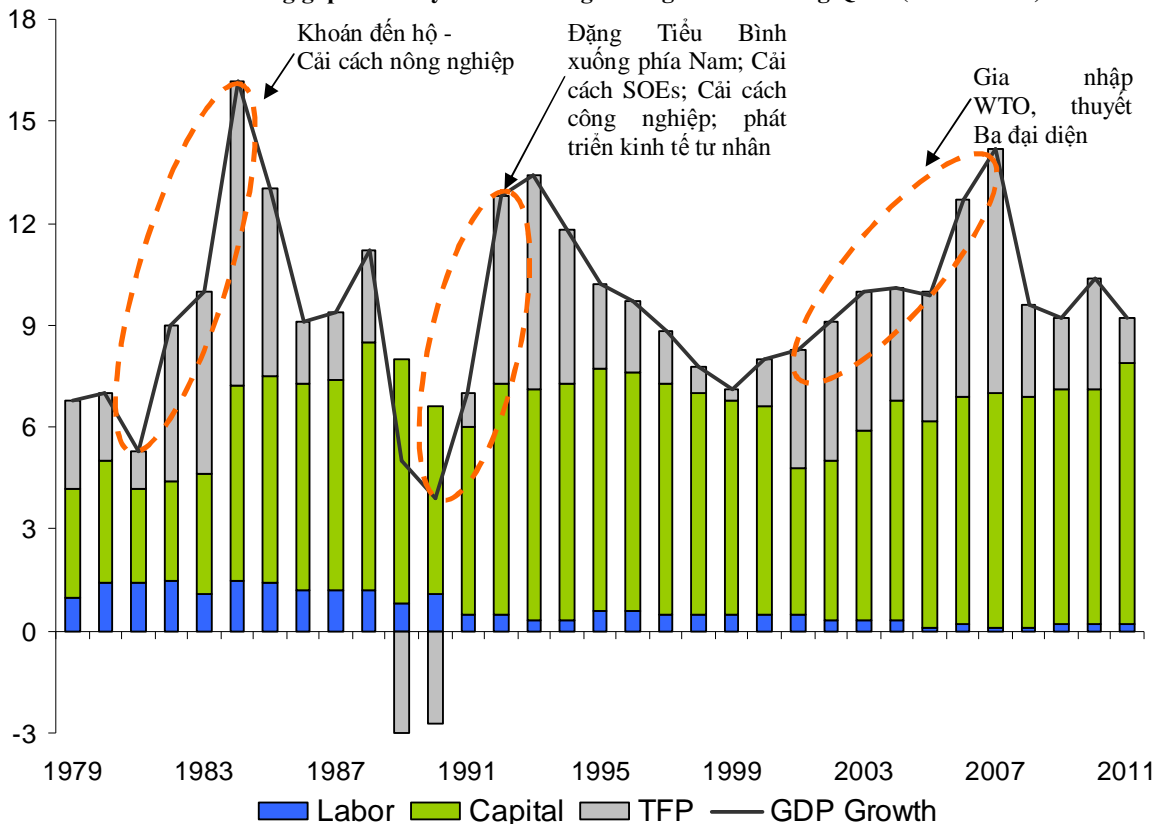
Trong những nội dung này, chúng tôi cho rằng cải thiện dân sinh, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn và mở cửa toàn diện hơn nữa là những lĩnh vực cải cách sẽ được thúc đẩy trước tiên¹. Bởi lẽ, đây vừa là những lĩnh vực cấp bách đang thu hút sự quan tâm của xã hội, vừa dễ tiến hành hơn cả do không vấp phải sự phản đối của các “nhóm lợi ích” – điều mà cải cách SOEs, xử lý quan hệ giữa chính phủ với thị trường khó có thể đạt được ngay. Mặc dù khả năng thực thi và mức độ thành công của 3 chương trình kinh tế lớn này sẽ như thế nào vẫn còn cần thời gian để đánh giá, nhưng chúng tôi cho rằng bất kể thế nào, cải cách tài chính – tiền tệ có thể sẽ trở thành động lực tăng trưởng cho giai đoạn 10 năm kế tiếp.

2.1. Tập trung thúc đẩy cải cách trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, đây có thể là nền tảng của giai đoạn tăng trưởng kế tiếp

Xét theo xu thế phát triển của Trung Quốc. Theo dõi sự phát triển của kinh tế Trung Quốc trong hơn 30 năm qua có thể nhận thấy sau khoảng mỗi 10 năm kinh tế nước này lại cần có một động lực tăng trưởng mới làm nền tảng cho sự tăng trưởng trong giai đoạn kế tiếp. Nếu nhìn vào tỉ lệ tăng trưởng kinh tế cũng như các yếu tố cấu thành tăng trưởng trong hơn 30 năm qua (Hình 1) có thể nhận thấy đặc điểm này.

¹ Trong 2 ngày 15-16/12/2012, Hội nghị kinh tế trung ương của Trung Quốc đã họp và nêu lên nhiều nội dung quan trọng trong đó có vấn đề cải cách bước đầu chế độ hộ khẩu – một tín hiệu cho thấy nỗ lực cải thiện điều kiện phúc lợi của cư dân nông thôn Trung Quốc.

Hình 1: Đóng góp của các yếu tố vào tăng trưởng kinh tế Trung Quốc (1979 – 2011)



Nguồn: Tính toán theo số liệu CEIC và NBS (các năm)

Giai đoạn 1978 – 1990, động lực tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đến từ cải cách nông nghiệp – thực hiện khoán đến hộ - qua đó thực hiện một phần việc cải cách quyền tài sản (property rights). Quyền sử dụng, quyền thu lợi, quyền cho thuê v.v. đã được trao cho nông dân với sự đảm bảo về mặt luật pháp. Đồng thời, trong thời gian này, một lượng lớn lao động nông thôn đã bắt đầu được chấp nhận cho ra thành phố làm thuê. Điều này đã góp phần cải thiện đáng kể TFP cũng như nâng mức đóng góp của TFP cho tăng trưởng kinh tế.

Giai đoạn 1990 – 2000, động lực tăng trưởng kinh tế đến từ những quyết tâm trong cải cách khu vực SOEs, cải cách công nghiệp cũng như cam kết của chính phủ trong việc hỗ trợ kinh tế tư nhân. Chuyển đi xuống phía Nam của Đặng Tiểu Bình đã tác động mạnh đến việc Trung Quốc chuyển hướng mạnh mẽ hơn nữa sang thể chế kinh tế thị trường, đánh dấu bằng Đại hội XIII Đảng Cộng sản. TFP được cải thiện rõ rệt nhờ sự cải thiện TFP trong lĩnh vực chế tạo và của khu vực doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp tư nhân.

Giai đoạn 2000 – 2010, động lực tăng trưởng của Trung Quốc đến từ việc quốc gia này gia nhập WTO và tận dụng đầy đủ các lợi thế của sự hội nhập kinh tế thế giới. Mô hình tăng trưởng kinh tế đã mang đặc trưng rõ nét của mô hình hướng ra xuất khẩu. TFP được cải thiện tiếp tục ở khu vực chế tạo và các lĩnh vực dịch vụ hiện đại.

Trung Quốc hiện nay tiếp tục cần những động lực tăng trưởng mới bởi lẽ dư địa cải cách trong các lĩnh vực trước đây đang cải cách (nông nghiệp, công nghiệp v.v.) và lợi ích từ các cải cách này không còn nhiều. Cải cách nông thôn còn một số vướng mắc mang tính thể chế và không dễ giải quyết, đó là việc chấp nhận quyền sở hữu tư nhân đất nông nghiệp. Sau Đại hội XVIII, Hội nghị kinh tế trung ương năm 2012 (họp ngay sau Đại hội XVIII) đã đi bước đầu tiên trong nỗ lực cải cách các phần còn lại ở nông thôn. Chế độ hộ khẩu – rào cản của quá trình đô thị hóa và cải thiện thu nhập cho nông dân – đã được đưa vào chương trình nghị sự. Bước đầu nông dân ra thành phố làm thuê sẽ được chấp nhận cho nhập khẩu thành cư dân thành thị với một số điều kiện ràng buộc. Tuy nhiên, khi chế độ sở hữu đất nông nghiệp chưa được xử lý thỏa đáng thì dư địa cải cách tại nông thôn không còn nhiều. Trong lĩnh vực cải cách SOEs, tình hình hiện nay là các nhóm lợi ích, các SOEs lớn đã trở thành các nhóm độc quyền hành chính với sức mạnh lớn cả về kinh tế và chính trị. Các nỗ lực cải cách đối với khu vực này đều rất khó khăn, không chỉ về mặt chính trị, mà còn bởi đây là nguồn thu lớn cho ngân sách cũng như là kênh quan trọng để chính phủ kiểm soát nguồn lực tài chính. Cuối cùng, suy thoái kinh tế toàn cầu và sự phụ thuộc vào xuất khẩu đã làm bộc lộ bất ổn của mô hình tăng trưởng kinh tế Trung Quốc giai đoạn hậu khủng hoảng tài chính tiền tệ. Do đó, có thể khẳng định, theo xu thế của Trung Quốc, thời gian 10 năm tới, động lực tăng trưởng kinh tế của quốc gia này có thể phải bắt đầu từ các cải cách trong lĩnh vực dịch vụ hiện đại – mà trọng tâm là lĩnh vực tài chính tiền tệ.

Xét về nhân sự cấp cao sau Đại hội XVIII. Về nhân sự, Đại hội XVIII chứng kiến sự xuất hiện nhiều nhất của số ủy viên trung ương xuất thân từ chuyên gia kinh tế và ngân hàng tài chính. Tổng số ủy viên trung ương từng học kinh tế, là chuyên gia kinh tế là 16/25². Đáng chú ý là số chuyên gia tài chính – ngân hàng trong nhóm ủy viên trung ương cũng rất nhiều. Ngoài vị trí quen thuộc của các ủy viên trung ương thuộc về lĩnh vực tài chính ngân hàng thì lần Đại hội này cũng chứng kiến sự áp đảo của các chuyên gia kinh tế và tài chính ngân hàng trong Bộ Chính trị - 4/7 ủy viên thường vụ Bộ Chính trị xuất thân là chuyên gia kinh tế và tài chính ngân hàng (Bảng 2). Điều này cho phép dự đoán rằng, cải cách tài chính ngân hàng sẽ nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ hơn nữa từ tầng lớp lãnh đạo cao cấp nhất trong tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền Trung Quốc. Đồng thời, các cải cách này sẽ được tiến hành bài bản, hiệu quả hơn nhờ tầng lớp những nhà lãnh đạo kỹ trị này.

² Bao gồm 12 ủy viên trung ương mới như Quách Thụ Thanh, Hạng Tuấn Ba, Tiêu Cương, Lâu Kế Vĩ v.v. và 4 ủy viên trung ương khóa trước tiếp tục được bầu làm ủy viên trung ương như Tiêu Tiệp, Thương Phúc Lâm, Mã Khải, Lưu Gia Nghĩa

Bảng 2: 14 ủy viên trung ương và ủy viên thường vụ xuất thân là chuyên gia ngân hàng và tài chính

STT	Họ tên	Ủy viên thường vụ BTC	Vị trí, chức vụ hiện nay	Lĩnh vực
1.	Vương Kỳ Sơn	X	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật trung ương	- 1994: Chủ tịch Ngân hàng Trung Quốc; ngoài ra từng là phó Chủ tịch Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc, Chủ tịch Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc. Được đánh giá là quan chức người am hiểu tài chính nhất của thể hệ lãnh đạo thứ 5 - 1997: Tham gia xử lý tác động của khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á đối với Quảng Đông - 2002: Bí thư Tỉnh ủy Hải Nam, xử lý hậu quả của vỡ bong bóng bất động sản - 2003: Quyền thị trường Bắc Kinh, xử lý SARS
2.	Lí Khắc Cường	X	Phó Thủ tướng (phụ trách kinh tế, khả năng thay Ôn Gia Bảo)	- Tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế, Học viện Kinh tế Đại học Bắc Kinh
3.	Trương Đức Giang	X	Phó Thủ tướng, thành viên Ban Tổ chức Đảng	- Tốt nghiệp Khoa Kinh tế, Đại học Tổng hợp Kim Nhật Thành
4.	Trương Cao Lệ	X		- Tốt nghiệp Khoa Thống kê Kinh tế Kế hoạch, Đại học Hạ Môn - 1970: vào làm tại Công ty Dầu khí Mậu Danh Quảng Đông, Bộ Dầu khí - 2007: Bí thư Thành ủy Thiên Tân
5.	Thượng Phúc Lâm		Chủ tịch Ủy ban Quản lý Giám sát Ngân hàng Quốc gia	Ngân hàng
6.	Quách Thụ Thanh		Chủ tịch Ủy ban Quản lý Giám sát Chứng khoán Quốc gia	Tài chính
7.	Hạng Tuấn Ba		Chủ tịch Ủy ban Quản lý Giám sát Bảo hiểm Quốc gia	Tài chính, ngân hàng
8.	Tiêu Cương		Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Trung Quốc (Bank of China)	Ngân hàng
9.	Lâu Kế Vĩ		Chủ tịch HĐQT, CEO Công ty Đầu tư Trung Quốc	Ngân hàng
10.	Tiêu Tiệp		Tổng cục trưởng Tổng Cục thuế Quốc gia	Tài chính
11.	Mã Khải		Viện trưởng Viện Hành chính Quốc gia	- Tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế chính trị, Khoa Kinh tế chính trị, Đại học Nhân dân Trung Quốc - 1988—1993: Phó Cục trưởng Cục vật giá Quốc gia - 1993—1995: Phó Chủ nhiệm Ủy ban Cải cách thể chế kinh tế Quốc gia - 1995—1998: Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Quốc gia - 2003—2008: Chủ nhiệm Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia
12.	Lưu Gia Nghĩa		Chủ nhiệm Văn	Tài chính, ngân hàng, kinh tế

		phòng Kiểm toán Quốc gia	
13.	Lật Chiến Thu	Chủ nhiệm Văn phòng trung ương Đảng	Tốt nghiệp chuyên ngành Vật giá, trường Đại học Tài chính – Thương mại khu vực Thạch Gia Trang (Hà Bắc)
14.	Uông Dương		Từng học chuyên ngành kinh tế chính trị tại Trường Đảng trung ương giai đoạn 1979 – 1980, giai đoạn 1999 – 2003 làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Phát triển Quốc gia

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Việc ông Vương Kỳ Sơn - người được đánh giá là am hiểu tình hình tài chính – ngân hàng nhất trong số các quan chức của thể hệ lãnh đạo thứ 5 Trung Quốc, 1 trong 7 ủy viên thường vụ Bộ chính trị, đồng thời thường được bên ngoài biết đến trong các cuộc đàm phán về kinh tế của Trung Quốc - không nắm giữ bất kỳ chức vụ nào liên quan đến kinh tế là một bất ngờ. Mặc dù truyền thông Trung Quốc và nước ngoài thường cho rằng, việc ông Vương Kỳ Sơn được bổ nhiệm vào vị trí này là do con cái ông không liên quan đến bất kỳ vụ bê bối nào về kinh tế. Nhưng chúng tôi đánh giá rằng, việc này càng làm tăng vai trò của cá nhân ông cũng như thể hiện rõ hơn quyết tâm của Trung Quốc trong cải cách lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Nhiệm vụ trọng tâm sắp tới của Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật trung ương là chống tham nhũng và tệ nạn trong Đảng, đồng thời cũng chống hành vi độc quyền, tạo thành nhóm lợi ích của các ngân hàng thương mại nhà nước, chống các can thiệp phi thị trường trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính. Do vậy, vị trí Bí thư của Ủy ban này được trao cho một người am hiểu và có nhiều năm làm việc trong ngành ngân hàng như ông Vương Kỳ Sơn là một bố trí nhân sự rất hợp lý³.

Trọng tâm của cải cách tài chính tiền tệ.

Trong lĩnh vực tài chính: cải cách thể chế thuế thu

Trong lĩnh vực tiền tệ: (1) Quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ (CNY); (2) Thực hiện tự do hóa tài khoản vốn và các cải cách đối với thị trường tài chính tiền tệ trong nước

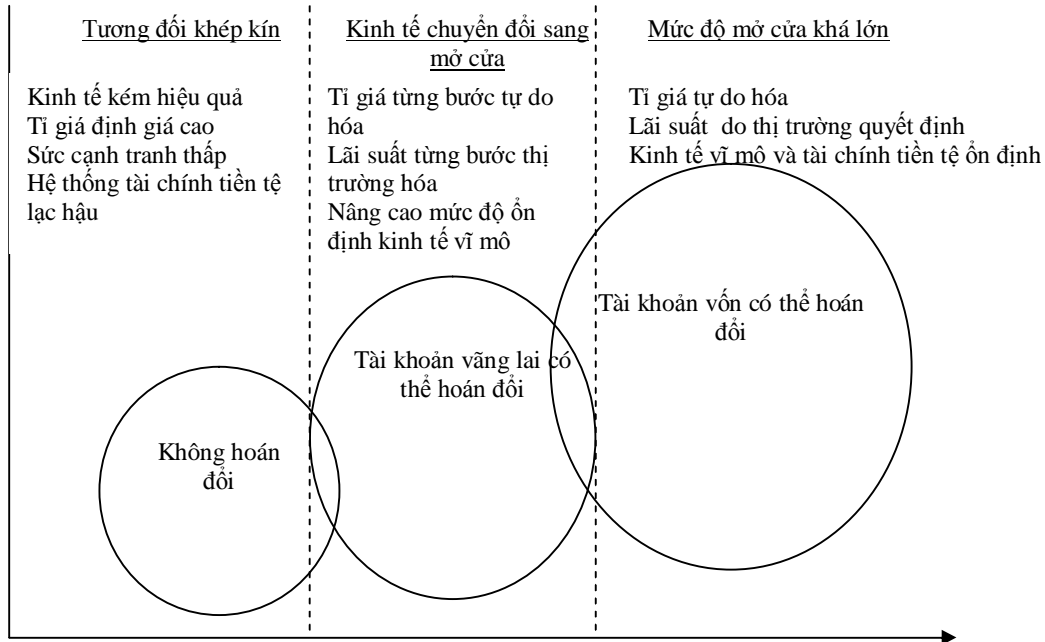
2.2. Xu thế của các chương trình mở cửa hơn nữa nền kinh tế

Về mở cửa thị trường tài chính tiền tệ và thực thi các cải cách trong lĩnh vực này.

Trong thời gian tiếp theo, việc mở cửa hơn nữa nền kinh tế Trung Quốc sẽ chủ yếu diễn ra trong lĩnh vực các ngành dịch vụ hiện đại như tài chính, ngân hàng, chứng khoán. Một trong những bài toán mà Trung Quốc đang phải tìm câu trả lời hiện nay là quốc gia này sẽ xử lý như thế nào mối quan hệ giữa việc quốc tế hóa đồng CNY với cải cách thị trường tài chính tiền tệ trong nước (gồm cải cách theo hướng thị trường về lãi suất, tỉ giá và thực hiện tài khoản vốn có khả năng hoán đổi).

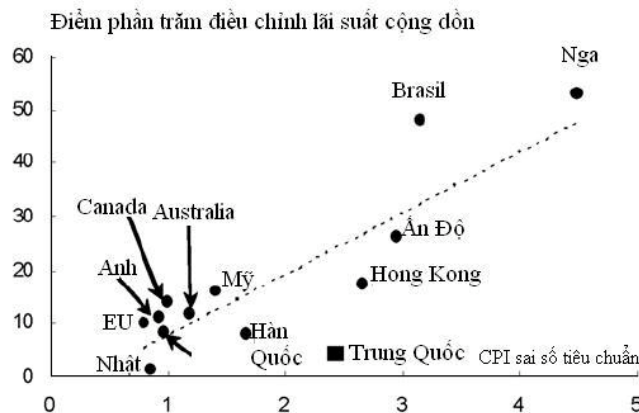
³ Bản thân ông Vương Kỳ Sơn từng tham gia xử lý hệ quả của khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á năm 1997 tại Quảng Đông.

Hình 2: Mức độ mở cửa thị trường tài chính tiền tệ của các nền kinh tế



Nếu xét theo tiến trình này, việc Trung Quốc cải cách tỉ giá vào tháng 7/2005 và bước đầu để lãi suất cho thị trường quyết định vào cuối năm 2012 mới là những bước đi đầu tiên của giai đoạn 2⁴. Lãi suất của Trung Quốc vẫn chịu sự kiểm soát tương đối chặt. So sánh độ co giãn giữa biến động lãi suất và điều tiết CPI có thể thấy mức độ co giãn của Trung Quốc chỉ là 0,24 – thấp hơn nhiều so với các nền kinh tế phát triển, chưa bằng 1/4 so với mức trung bình của các nước (Hình 3).

Hình 3: Quan hệ giữa biến động lãi suất và CPI của một số nước (1/2000 – 5/2010)



Nguồn: Lư Phong (2012)

Khó khăn của Trung Quốc là trong khi chưa hoàn thành việc tự do hóa tỉ giá và thị trường hóa lãi suất, liệu quốc gia này có thể ngay lập tức mở cửa tài khoản vốn hay không và nếu không thực hiện các cải cách này triển vọng việc quốc tế hóa đồng CNY sẽ như thế nào.

⁴ Năm 2012, Trung Quốc cho phép nới rộng biên độ dao động của đồng CNY so với đồng USD quanh giá trung gian từ $\pm 0,5\%$ thành $\pm 1\%$. Điều này cho thấy quyết tâm của Trung Quốc trong việc tự do hóa tỉ giá.

Các cải cách đối với thị trường tài chính tiền tệ trong nước là điều kiện quan trọng để biến đồng CNY thành một đồng tiền quốc tế, nhưng việc thực thi các cải cách này đang vấp phải một số trở ngại, đặc biệt từ sau khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 2008. Điều này cùng với khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á 1997 càng khắc sâu mối lo ngại rằng việc mở cửa hoàn toàn thị trường tài chính tiền tệ có thể khiến ngành dịch vụ còn nhiều điểm yếu của nước này gặp phải những rủi ro đến từ bên ngoài. Do vậy, trên thực tế, mặc dù đã thực hiện nhiều biện pháp, nhưng quá trình quốc tế hóa đồng CNY của Trung Quốc đang được thực thi mà không kèm với điều kiện ban đầu là biến đồng CNY thành đồng tiền tự do hoán đổi. Thay vào đó, cách thức quốc tế hóa đồng tiền này đang được thực hiện khá đặc thù với hai công cụ là: (1) xây dựng thị trường ngoại biên (offshore market) tại Hong Kong, Singapore và London, (2) thông qua kết toán thương mại song phương với các bạn hàng thương mại lớn. Tuy nhiên, việc quốc tế hóa đồng bản tệ chưa từng có tiền lệ như vậy có thể sẽ làm chậm tiến trình này của Trung Quốc⁵. Bởi lẽ, quy mô kết toán thương mại song phương bằng đồng CNY liên biên giới vẫn ở mức rất thấp. 4 tháng đầu năm 2011 quy mô này đạt 530 tỷ CNY (81,54 tỷ USD), con số này tương đương khoảng 5% tổng giá trị thương mại của Trung Quốc với nước ngoài trong cùng thời kỳ. Năm 2010, tổng các giao dịch bằng đồng CNY trong kết toán thương mại đạt 500 tỷ CNY và chỉ tương đương 2% tổng giá trị thương mại của Trung Quốc. Ngoài ra, giữa thị trường ngoại biên và thị trường nội địa tồn tại quan hệ khá rõ nét. Bảng 3 là kết quả nghiên cứu của Kang, Maziad và Roache (2011) về quan hệ giữa thị trường ngoại biên và thị trường nội địa đồng CNY.

Bảng 3: Kết quả của mô hình GARCH

Từ	Đến	CNY		CNH	
		Tức thì	Lâu dài	Tức thì	Lâu dài
CNY	Tức thì	-	-	-0.33*	0.19
	Lâu dài	-	-	0.04	0.02
CNH	Tức thì	0	-0.37***	-	-
	Lâu dài	-0.03	-0.37**	-	-

Chú thích: CNY: thị trường nội địa, CNH: thị trường ngoại biên; *, **, *** biểu thị có ý nghĩa ở 10%, 5%, 1%

Nguồn: Kang et al., (2011)

Kết quả hồi quy cho thấy sự phát triển của thị trường nội địa tức thì có ảnh hưởng rõ nét đến thị trường ngoại biên lâu dài. Ngoài ra, giữa thị trường nội địa và thị trường ngoại biên có

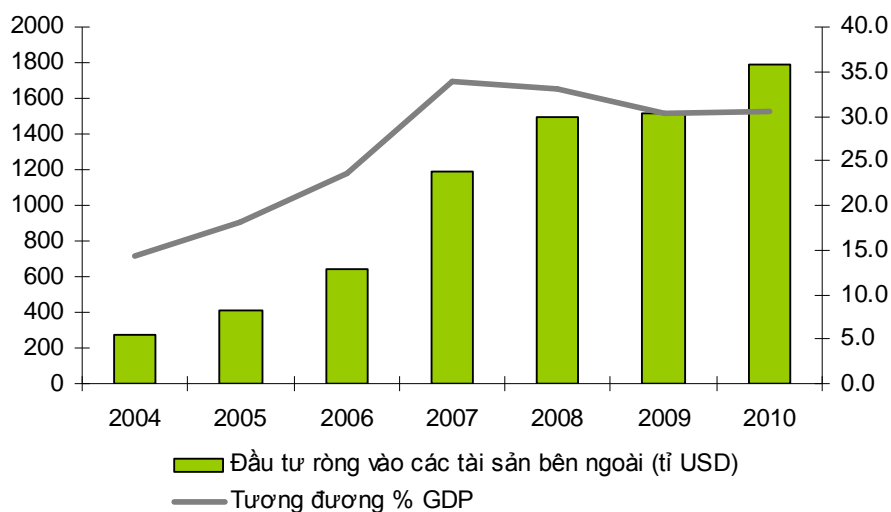
⁵ Gần đây, tham vọng có mặt trong rổ tiền tệ SDRs (quyền rút vốn đặc biệt trong IMF) của Trung Quốc đã gặp phải sự phản đối kịch liệt từ nhiều nước với lý do Trung Quốc vẫn chưa thả nổi tỷ giá CNY theo thị trường. Tại Hội nghị Bộ trưởng Tài chính khối G20 vào cuối tháng 4/2011, Bộ trưởng Tài chính Mỹ Timothy Geithner dù đồng ý là: “Theo thời gian, chúng tôi tin rằng các loại tiền tệ của các nền kinh tế lớn sử dụng nhiều trong các giao dịch thương mại và tài chính quốc tế sẽ trở thành một phần của rổ tiền tệ SDRs”, nhưng vẫn cho rằng: “để đạt được mục tiêu này, các nước liên quan cần phải có hệ thống tỷ giá linh hoạt, ngân hàng trung ương độc lập và cho phép các dòng vốn tự do”. Không riêng gì Mỹ, ngay cả Pháp cũng ngầm cho rằng Trung Quốc phải thả nổi tỷ giá CNY nếu muốn có mặt trong rổ tiền tệ SDRs. Bộ trưởng Tài chính Pháp khi đó là Christine Lagarde cũng nhấn mạnh vào tính linh hoạt của tỷ giá tiền tệ và sự độc lập của ngân hàng trung ương như là điều kiện tiên quyết để tham gia thị trường tài chính toàn cầu. Ngay cả các thành viên của nhóm các nền kinh tế mới nổi BRIC, trong hội nghị thượng đỉnh vừa qua tại Trung Quốc, cũng chưa nhất trí để có được thỏa thuận cho phép CNY có mặt trong rổ tiền tệ SDRs.

tác động lan tỏa hai chiều rõ nét, quan hệ này sẽ càng ngày càng mạnh khi thị trường tài chính tiền tệ Trung Quốc ngày càng được cải thiện.

Nhìn chung, chúng tôi đánh giá rằng, tiến trình mở cửa thị trường tài chính tiền tệ Trung Quốc sẽ tiếp tục đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa đồng CNY và chậm chạp hơn trong việc tự do hóa tài khoản vốn. Điều này về cơ bản thể hiện sự thận trọng và phù hợp với truyền thống cải cách “dò đá qua sông”, tiệm tiến từng phần đã được tiến hành trong rất nhiều lĩnh vực cải cách then chốt trước đây như cải cách giá cả, cải cách SOEs, cải cách tỉ giá v.v.

Về tăng cường ảnh hưởng kinh tế ra bên ngoài thông qua chính sách ngoại giao kinh tế. Thực lực kinh tế trong nước lớn mạnh và đồng CNY tăng giá cho phép Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng kinh tế ra bên ngoài thông qua hàng loạt chính sách ngoại giao kinh tế. Những kênh chủ yếu của chính sách ngoại giao kinh tế của Trung Quốc gồm có: mua các tài sản có giá trị của nước ngoài (trái phiếu chính phủ, các giấy tờ thể chấp có giá trị v.v.); đầu tư trực tiếp; M&A; viện trợ kinh tế (hoàn lại và không hoàn lại) v.v.

Hình 4: Quy mô các khoản đầu tư vào tài sản nước ngoài của Trung Quốc 2004 – 2010



Nguồn: IMF (các năm)

Quy mô mua các tài sản có giá trị của Trung Quốc đã tăng từ 276,4 tỉ USD (giá hiện thời) lên 1790 tỉ USD (năm 2010), các tài sản này tương ứng với 14,3% GDP (năm 2004) và 30,5% GDP (năm 2011).

Số vụ M&A giữa các công ty Trung Quốc và đối tác nước ngoài từ đầu năm 2011 đến nay đã tăng 29% với 217 vụ, trị giá 24,3 tỷ USD. Thị trường Mỹ chiếm 10% với 33 thỏa thuận, trị giá 2,3 tỷ USD, đứng thứ 2 là Australia⁶.

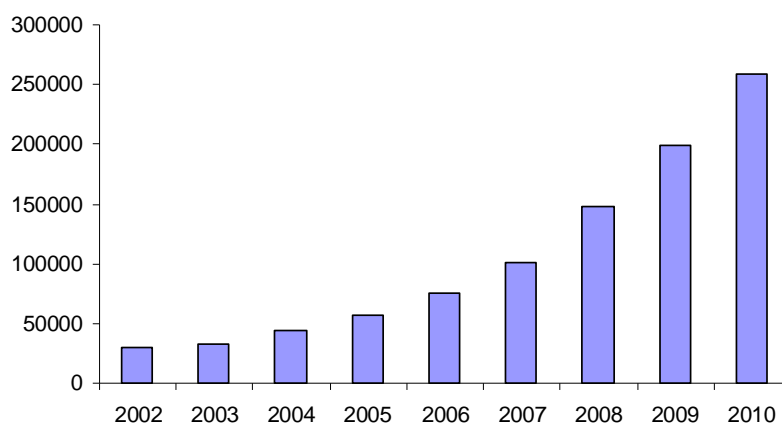
Trong khi đó, các chính sách viện trợ kinh tế Trung Quốc đang thể hiện rõ khuynh hướng hướng đến nhóm nước có thu nhập trung bình thấp trở xuống (chiếm tới 83% tổng số viện trợ

⁶ Theo số liệu của “Công báo thống kê đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại nước ngoài năm 2009”

kinh tế của Trung Quốc). Xét theo khu vực viện trợ, châu Phi (chiếm 45,7%) và châu Á (chiếm 33%) lần lượt là các khu vực nhận được chính sách ngoại giao kinh tế rộng mở nhất của Trung Quốc. Trong những khoản viện trợ kinh tế của Trung Quốc đáng chú ý là viện trợ cho Lào và Campuchia ngày càng tăng mạnh, song song với sự gia tăng của các hoạt động đầu tư trực tiếp. Năm 2012, Trung Quốc đã viện trợ cho Lào 7 tỉ USD để xây dựng tuyến đường sắt xuyên Đông Nam Á vận chuyển khoáng sản sang các tỉnh biên giới của Trung Quốc.

Nội dung đáng chú ý nhất của chính sách ngoại giao kinh tế Trung Quốc là hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp nước này. Nếu để ý các số liệu thống kê có thể thấy, kể từ khi đồng CNY đối diện với áp lực tăng giá và từng bước tăng giá, mức đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc đã tăng mạnh. Trong giai đoạn 2002 – 2005 giá trị FDI của Trung Quốc chỉ tăng chưa đầy 100% nhưng từ 2005 – 2010 giá trị này đã tăng 500% (hình 4). Theo số liệu của “Công báo thống kê đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại nước ngoài năm 2009”, tính đến cuối năm này, hơn 12.000 doanh nghiệp bản địa Trung Quốc đã đầu tư tại 177 quốc gia và khu vực với mức đầu tư cộng dồn khoảng 245,75 tỉ USD, trong đó đầu tư trong lĩnh vực phi tài chính – tiền tệ chiếm 84,5%.

Hình 5: Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc ra nước ngoài (Triệu USD, 2002 – 2010)

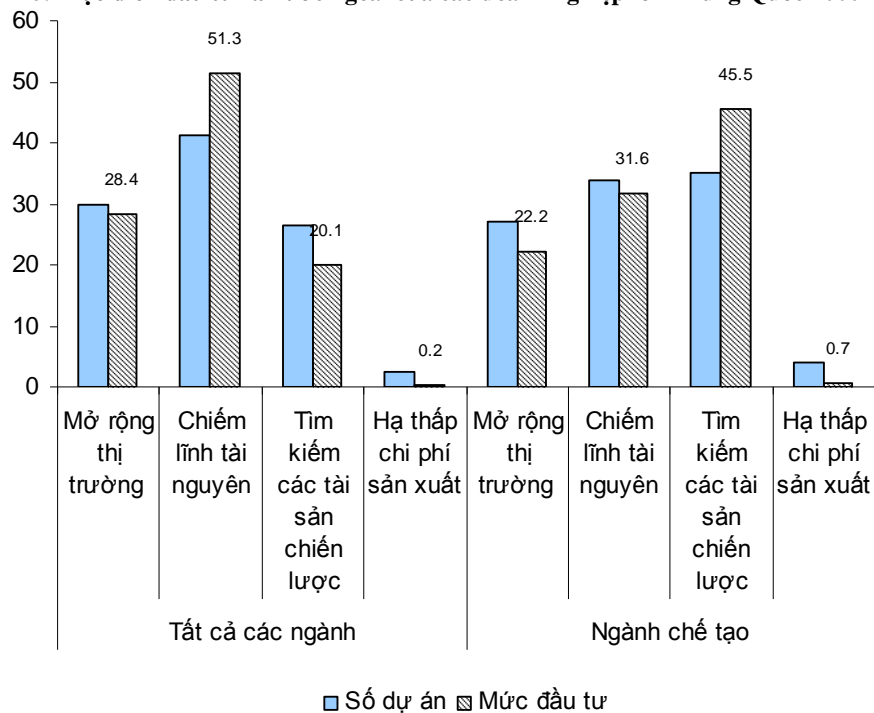


Nguồn: Điền Ngụy, Dư Điều Kiệt (2011)

Đáng chú ý nguồn vốn FDI Trung Quốc chủ yếu mang đặc điểm của giai đoạn đầu – đi ra bên ngoài mua tài nguyên và mua kỹ thuật:

- Đầu tư vốn nhưng không chuyển nhà xưởng/nhà máy ra nước ngoài do lao động trong nước – đặc biệt lao động tại khu vực miền Trung, miền Tây còn nhiều
- Đa phần là doanh nghiệp thương mại có mục tiêu thu mua kỹ thuật và tài nguyên
- Hầu như chỉ sử dụng lao động Trung Quốc

Hình 6: Mục đích đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp lớn Trung Quốc 2000 - 2011



Nguồn: Tính toán theo số liệu thống kê FDI của Bộ Thương mại Trung Quốc và Cục Quản lý ngoại tệ Trung Quốc (các năm)

2.3. Xu thế điều chỉnh những mất cân bằng về mô hình tăng trưởng và cải thiện chất lượng tăng trưởng

Tác động tiêu cực từ sự suy giảm chung của kinh tế thế giới, hành động của chính phủ trong đợt khủng hoảng 2008 và những phát biểu của Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo hồi đầu năm 2012 đều cho thấy sự chuyển biến quan trọng về mặt tư duy của chính phủ Trung Quốc trong việc phát triển kinh tế. Điều này sẽ dẫn đến một làn sóng đầu tư mới nhằm nâng cấp kết cấu ngành trong nước, hướng đến những phân khúc cao hơn trong chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu.

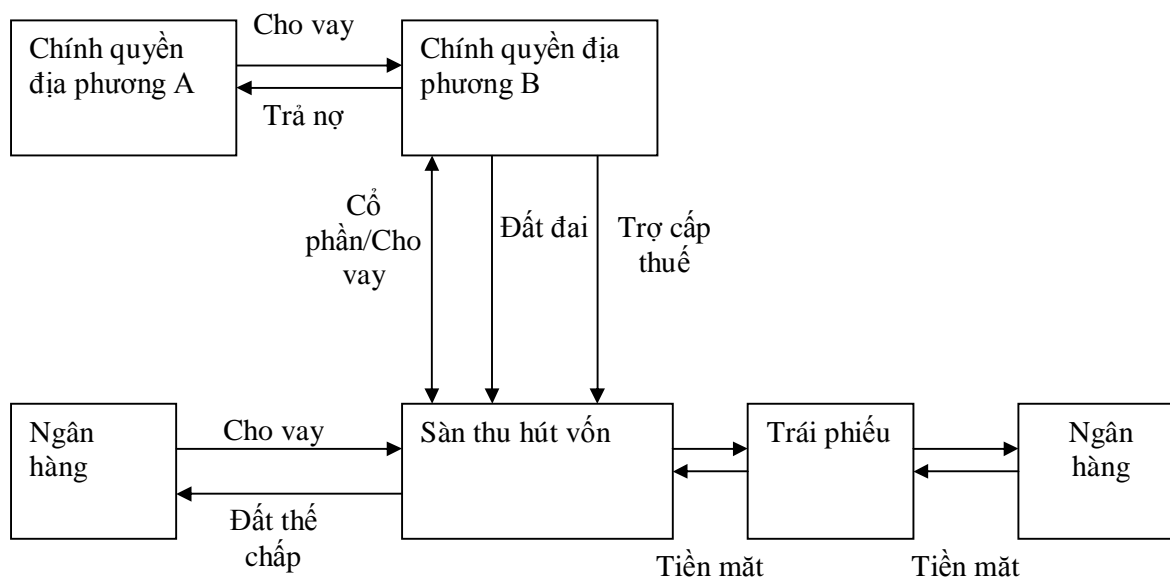
Mục tiêu của việc cải thiện chất lượng tăng trưởng được đề xuất hướng đến một số nhiệm vụ chính:

- (1) Duy trì tỉ lệ tăng trưởng ở mức hợp lý 7 – 8%/năm trong giai đoạn 5 năm kế tiếp;
- (2) Thay đổi cấu trúc tăng trưởng theo hướng dựa nhiều hơn vào tiêu dùng trong nước, không chạy theo mô hình hướng ra xuất khẩu.
- (3) Cải thiện chất lượng và hiệu quả của tăng trưởng kinh tế, sử dụng ít nguồn lực hơn nhưng hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, nỗ lực điều chỉnh phương thức phát triển, mà trước hết là thay đổi cấu trúc và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế sẽ vấp phải một số khó khăn không nhỏ. Việc điều chỉnh do đó cần thời gian – có thể là hàng chục năm.

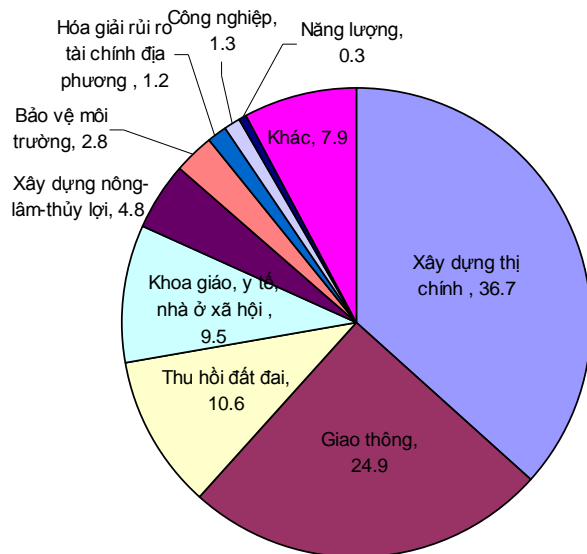
Đối với việc duy trì tỉ lệ tăng trưởng ở mức hợp lí 7-8% để tạo ra sự ổn định kinh tế vĩ mô, tránh lạm phát cao có thể sẽ đối diện với khó khăn trong việc giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập của người dân – đặc biệt là cư dân nông thôn. Mỗi năm Trung Quốc phải tạo ra hàng chục triệu việc làm mới, nếu tỉ lệ tăng trưởng kinh tế xuống quá thấp, mục tiêu này sẽ không thể hoàn thành.

Đối với việc thay đổi mô hình tăng trưởng. Việc thay đổi tư duy của chính phủ Trung Quốc trong việc tạo ra tăng trưởng kinh tế là không dễ dàng. Thứ nhất, đối với chính quyền trung ương, đầu tư tài chính và định hướng kinh tế xuất khẩu đã trở thành hiệu biết then chốt về tăng trưởng kinh tế. Thứ hai, đối với chính quyền địa phương, cơ chế thăng tiến đối với quan chức địa phương trở thành động lực khiến họ không thể/không muốn hạ thấp chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của địa phương mình, và do đó thường sử dụng quan hệ để tạo áp lực lên ngân hàng tại địa phương nhằm cung cấp các khoản tín dụng với lãi suất thấp cho doanh nghiệp. Chính điều này đã tạo ra các khoản nợ khổng lồ của địa phương – một dạng vay tín dụng dưới chuẩn kiểu Trung Quốc. Mô hình huy động vốn của chính quyền địa phương chủ yếu được thực hiện thông qua các sàn thu hút vốn (financing platform) với cơ chế như sau:



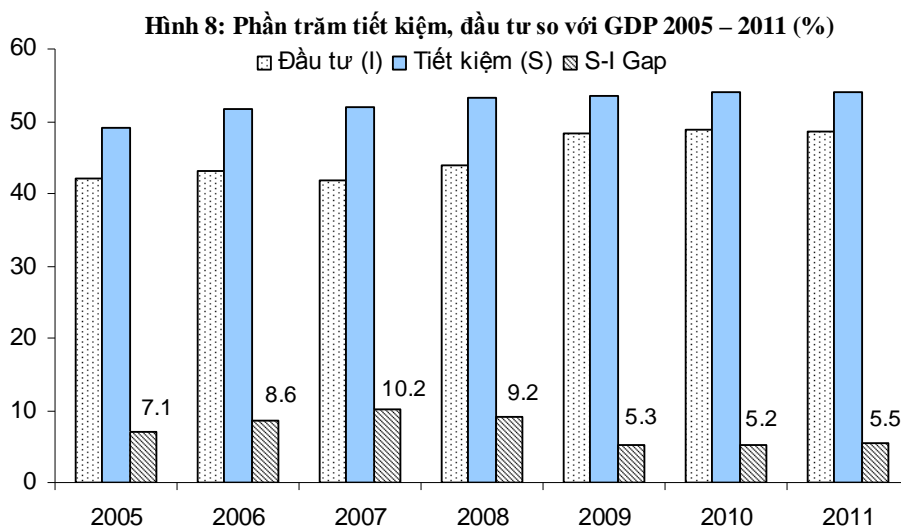
Tính đến cuối năm 2010, theo số liệu của Văn phòng Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc công bố vào năm 2012 thì số dư nợ chính thức của các địa phương Trung Quốc đã lên tới con số hơn 10.700 tỉ CNY (gấp 2,5 lần gói kích thích kinh tế tháng 11/2008), chỉ 54 chính quyền cấp huyện không “mắc nợ” (Hình 7).

Hình 7: Cơ cấu chi tiêu 10.700 tỉ CNY vay nợ của chính quyền địa phương Trung Quốc (%)



Nguồn: Thiết lập theo số liệu Văn phòng Kiểm toán Quốc gia (2012)

Căn cứ theo xu hướng tăng trưởng kinh tế mà Trung Quốc đã đạt được trong quá khứ, có thể thấy kịch bản tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đến 2017 vẫn cơ bản là: đầu tư cao, tiết kiệm cao, tỉ trọng của công nghiệp lớn và tăng trưởng TFP suy giảm, tiêu dùng chậm nâng cao – điều đã kéo dài hàng chục năm qua (Hình 8)



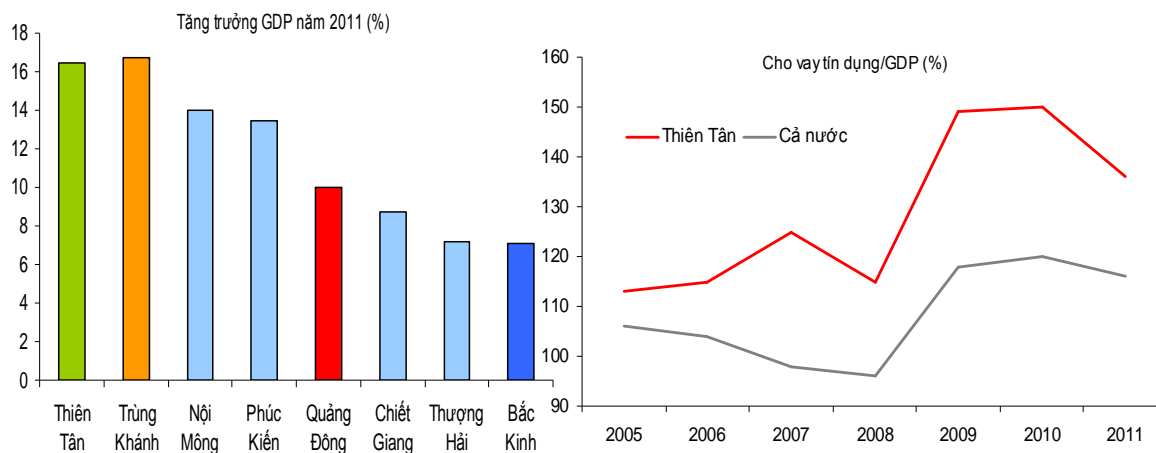
Nguồn: Số liệu IMF (các năm)

Nhu cầu trong nước có thể nhận được sự hỗ trợ và cam kết thúc đẩy về mặt chính sách nhưng khả năng tiến triển sẽ bị hạn chế bởi trong kết cấu huy động vốn của ngân hàng hiện nay, hơn 50% dư nợ tiết kiệm được huy động từ khu vực tư nhân (gồm cả thành thị và nông thôn), khoảng 40% huy động từ khoản tích lũy của doanh nghiệp và chỉ có 10% là từ các nguồn khác. Trong khi tỉ lệ đầu tư luôn duy trì ở mức trên 40% đã trung hòa các tác động tiêu cực của khủng

hoảng 2008 và 2010 thì tỉ lệ tiết kiệm – do nhiều nguyên nhân vẫn ở mức rất cao. Xét về giá trị tuyệt đối, tiền gửi tiết kiệm trong ngân hàng của cả cư dân và doanh nghiệp đều tăng mạnh trong suốt 30 năm. Tiền gửi của cư dân tính theo giá không đổi đã tăng từ 39,9 tỉ CNY (năm 1980) lên đến 26077,2 tỉ CNY (năm 2009). Nếu việc huy động vốn từ tư nhân giảm – đồng nghĩa với việc thực thi các chính sách kích thích tiêu dùng thì tỉ lệ tiết kiệm sẽ giảm xuống. Đối với một nước dựa nhiều vào đầu tư như Trung Quốc điều này chắc chắn sẽ làm giảm đà tăng trưởng, gây ảnh hưởng đến mục tiêu đến năm 2020 sẽ tăng gấp đôi mức thu nhập bình quân và do đó sẽ là thách thức đối với chính phủ trong khi hoạch định chính sách. Vì vậy, chúng tôi cho rằng biện pháp cơ bản để cải thiện tình hình tiêu dùng trong nước phải là cải thiện tiêu dùng của khu vực nông thôn. Để làm được điều này, một giải pháp quan trọng là các chính sách an sinh xã hội tại nông thôn phải được thực hiện triệt để và bình đẳng hơn nữa so với khu vực thành thị.

Bên cạnh việc Báo cáo Chính trị Đại hội XVIII khẳng định động lực tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ là sự kết hợp của xe song mã: tiêu dùng nội địa đi kèm với đầu tư ở mức hợp lý và việc nhiều khả năng ông Trương Cao Lệ - Ủy viên thường vụ Bộ Chính trị - sẽ thay thế ông Lý Khắc Cường làm phó thủ tướng phụ trách kinh tế, xu hướng đầu tư ở Trung Quốc sẽ khó suy giảm, thậm chí tiếp tục ở mức cao như hiện nay. Những gì mà Thiên Tân – thành phố nơi ông Trương Cao Lệ làm bí thư thành ủy giai đoạn 2007 – 2012 – trải qua có thể là cách thức kinh tế Trung Quốc tiến tới trong tương lai⁷.

Hình 9: Tăng trưởng kinh tế và tỉ lệ cho vay tín dụng/GDP của một số tỉnh thành Trung Quốc



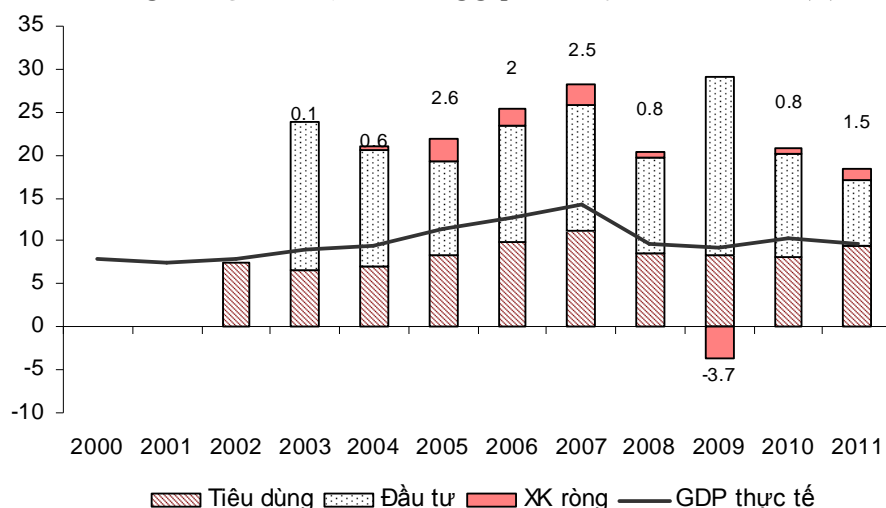
Nguồn: CEIC và NBS (các năm)

Có thể dự báo rằng những cải cách về mặt mô hình tăng trưởng sẽ được khuyến khích nhưng cần thời gian thực hiện và trong thời gian một Đại hội Đảng sẽ khó có những chuyển biến thực sự. Tỉ lệ đầu tư từ mức trên 50% GDP và tỉ lệ tiết kiệm từ mức trên 40% GDP (giai đoạn 2005 – 2011) đều khó có thể giảm về mức 30% trong giai đoạn kế tiếp. Kết quả của những đóng

⁷ Mặc dù năm 2011 Thiên Tân là thành phố tăng trưởng kinh tế nhanh nhất Trung Quốc với gần 17%, gần gấp 2 tốc độ của Bắc Kinh, nhưng tỉ lệ cho vay tín dụng/GDP của thành phố cũng ở mức 136%.

góp cho tăng trưởng GDP thực tế giai đoạn 2000 – 2011 cho thấy đóng góp của xuất khẩu ngày càng suy giảm, trong khi đó đóng góp của đầu tư và tiêu dùng trong nước vẫn tiếp tục phát huy vai trò bệ đỡ của tăng trưởng. Số liệu cũng đồng thời chỉ ra rằng, truyền thống dựa vào đầu tư để thực hiện các nỗ lực tăng trưởng đóng vai trò cực kì quan trọng trong các thời điểm Trung Quốc phải đối phó với khủng hoảng kinh tế từ bên ngoài (Hình 10).

Hình 10: Tăng trưởng GDP thực tế và đóng góp của các yếu tố (2000 – 2011) (Đơn vị: %)

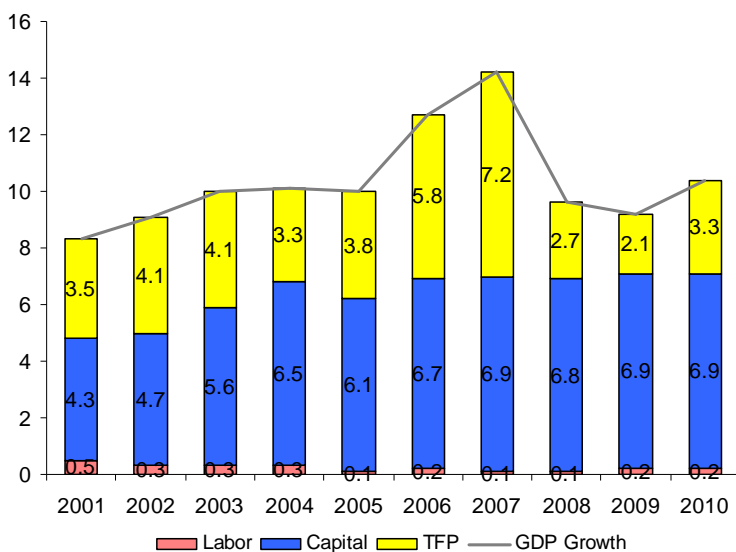


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của IMF và WB (các năm)

Đóng góp cho tăng trưởng GDP của xuất khẩu đã suy giảm từ nửa sau thập niên đầu của thế kỉ này (từ đóng góp 2% cho tăng trưởng GDP xuống còn 1,5%) và thậm chí đã xuất hiện dấu hiệu kéo lùi tăng trưởng (-3,7% vào năm 2009). Dự báo mức đóng góp 1 – 1,5% có thể sẽ kéo dài hơn nữa và suy giảm xuống 0,5 – 0,7% khi Trung Quốc thực hiện mạnh mẽ hơn nữa những cố gắng trong việc thực hiện tăng trưởng dựa nhiều hơn vào nhu cầu tiêu dùng trong nước cũng như sự phát triển của các ngành dịch vụ hiện đại.

Xét theo cấu trúc của tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc rõ ràng đang dựa nhiều hơn vào vốn, đóng góp của lao động suy giảm và duy trì ở mức rất thấp, trong khi đó đóng góp của TFP chỉ bằng khoảng 1/3 so với đóng góp của vốn và có xu hướng suy giảm từ sau năm 2007 (Hình 11).

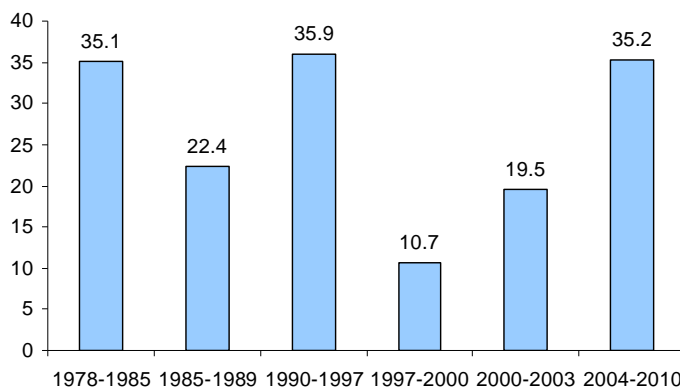
Hình 11: Đóng góp của các yếu tố vào tăng trưởng kinh tế Trung Quốc (2001 – 2010)



Nguồn: Tính toán theo số liệu CEIC và NBS (các năm)

Xét theo giai đoạn, đóng góp của TFP cho tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2004 – 2010 tuy có tăng trở lại nhưng chỉ bằng giai đoạn mới cải cách mở cửa (Hình 12).

Hình 12: Đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của TFP theo giai đoạn (%)



Nguồn: Tính toán theo số liệu CEIC và NBS (các năm)

2.4. Xu thế trong việc thúc đẩy cải cách theo hướng thị trường hóa

Để thực hiện mục tiêu này, điều quan trọng là khả năng chính phủ Trung Quốc thực thi các cải cách nhằm định vị lại quan hệ giữa chính phủ với thị trường và giữa SOEs với NSEs.

Định vị lại vị trí của chính phủ và thị trường. Đến trước Đại hội XVIII, nền kinh tế Trung Quốc đang tỏ ra có nhiều điểm giống với thời điểm trước chuyến tuần du phương Nam năm 1992 của Đặng Tiểu Bình – nhà nước thể hiện sự can thiệp và quyền lực lớn hơn thị trường; kinh tế nhà nước lấn át kinh tế tư nhân trong những lĩnh vực trọng yếu; thiếu một hệ thống lí luận mới làm động lực cho phát triển kinh tế. Điều này khiến cải cách theo hướng thị trường hóa của Trung Quốc chưa thể có những bước tiến mới. Nhiều thị trường vẫn chịu sự can thiệp hành chính mạnh mẽ như thị trường lao động, thị trường vốn, thị trường các tài sản v.v. Trong bối

cảnh để tạo động lực mới cho phát triển kinh tế, được công nhận là nền kinh tế có quy chế thị trường và đủ điều kiện quốc tế hóa đồng CNY, trong thời kì của thế hệ lãnh đạo tiếp theo, Trung Quốc sẽ phải nỗ lực lớn hơn nữa trong việc tạo nên một trong những nền kinh tế thị trường có quy mô lớn nhất thế giới.

Phát triển kinh tế thị trường còn nhiều hạn chế. Mặc dù thị trường nội địa về cơ bản đã liên thông và thống nhất, tình trạng chia cắt thị trường đã được xóa bỏ từ cuối những năm 1990 nhưng kinh tế thị trường vẫn chưa thực sự phát triển do:

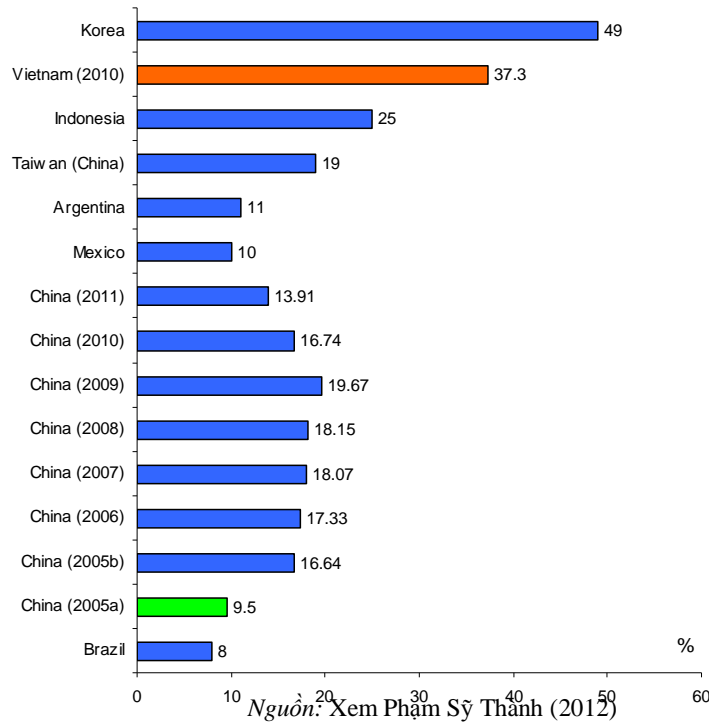
- Độc quyền hành chính của hệ thống SOEs và lợi ích nhóm;
- Điều hành kinh tế vĩ mô của chính phủ nhiều lúc vẫn mang nặng tính hành chính như can thiệp đối với thị trường tiền tệ - tài chính, hoạt động của ngân hàng v.v.

Vì thế, mục tiêu của nỗ lực đi sâu cải cách theo hướng thị trường sẽ chủ yếu bao gồm:

- Điều chỉnh quan hệ điều phối, phân bổ nguồn lực giữa chính phủ với thị trường; chấn chỉnh cách thức điều tiết kinh tế vĩ mô của chính phủ bằng cách xây dựng cơ chế cho việc hoạch định các mục tiêu cũng như những chính sách kinh tế vĩ mô
- Điều chỉnh quan hệ giữa kinh tế nhà nước và các thành phần kinh tế khác
- Chống độc quyền hành chính – đặc biệt là độc quyền hành chính của nhóm SOEs

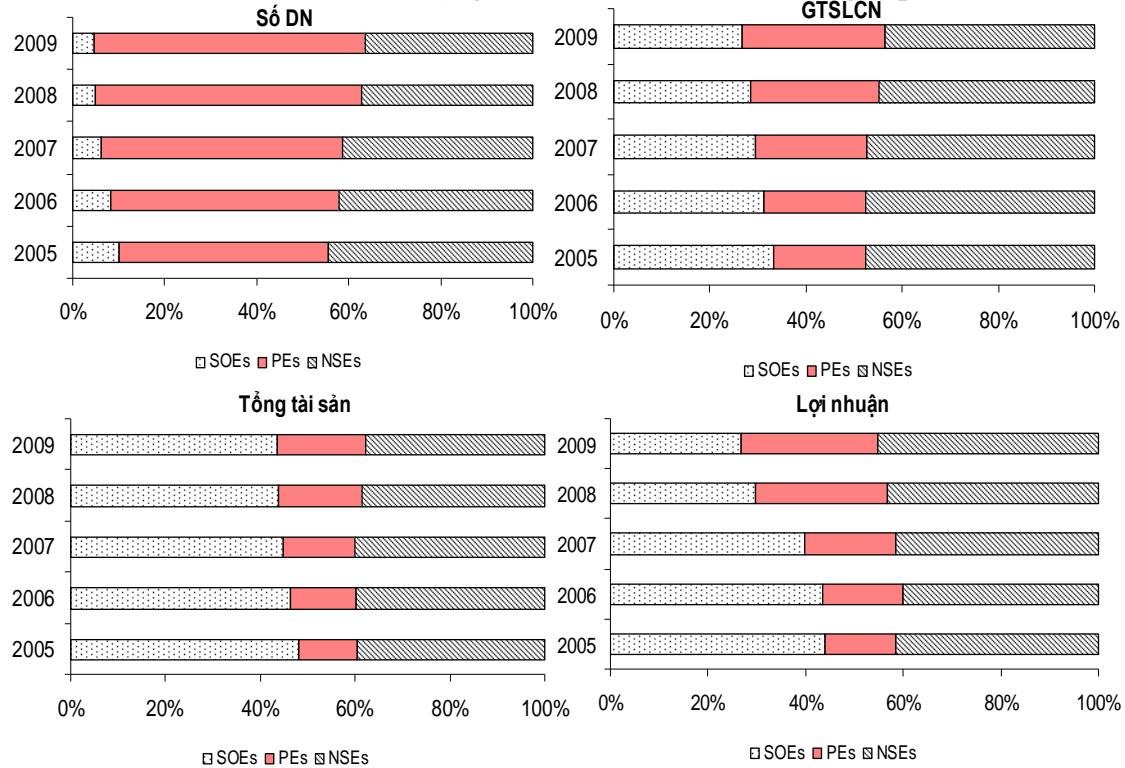
Xử lí đúng đắn quan hệ giữa khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân. Câu chuyện về xử lí quan hệ giữa thành phần kinh tế thuộc sở hữu nhà nước và sở hữu ngoài nhà nước tại Trung Quốc đã trải qua một tiến trình dài với kết quả là sự thừa nhận dần dần của chính phủ đối với các loại hình sở hữu khác. Đây luôn là một điều đáng mừng đối với sự phát triển kinh tế của một quốc gia bởi khi nguồn lực của kinh tế nhà nước được hướng vào các lĩnh vực phù hợp, nó sẽ bổ sung cho kinh tế tư nhân (chứ không phải ngược lại). Sự nhất quán về quan điểm ứng xử với kinh tế công hữu và kinh tế phi công hữu tiếp tục được tiếp nối tại Đại hội XVIII *nhưng đã có một số cải thiện và chuyển biến đáng mừng*. Mặc dù vậy, khi theo dõi số liệu kinh tế của Trung Quốc trong (dù chỉ là 10 năm đầu thế kỉ XXI) cũng có thể nhận thấy SOEs vượt trội hoàn toàn so với NSEs (do nhận được nhiều ưu đãi của chính quyền các cấp).

Hình 13: Tỷ trọng doanh thu/GDP của 10 tập đoàn lớn nhất, 2005 – 2011 (%)



Điều đó có nghĩa là doanh thu của các tập đoàn này đã tăng từ 340 tỉ USD (năm 2005) lên ngưỡng 1000 tỉ USD (năm 2011).

Hình 14: Tỷ trọng của một số chỉ tiêu doanh nghiệp



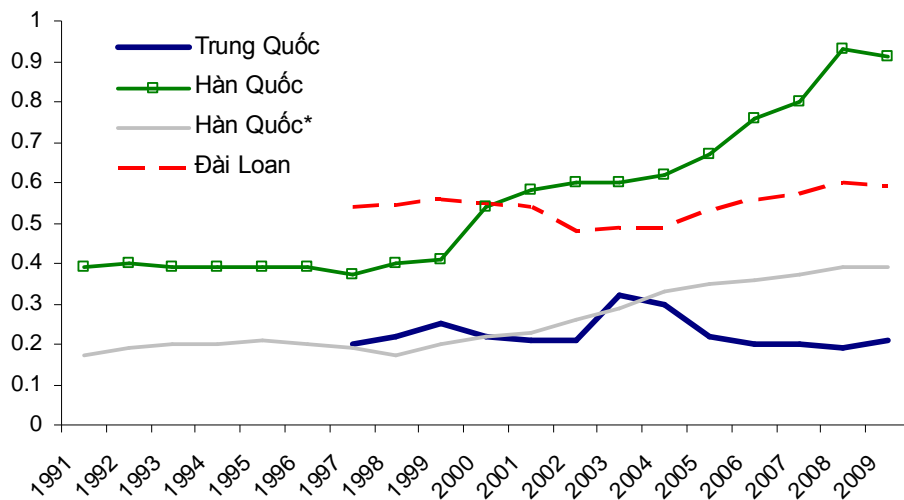
Chú thích: SOEs: DNNN và DN nhà nước nắm cổ phần khống chế; PEs: DN tư nhân; NSEs: các DN ngoài nhà nước khác (tập thể và nước ngoài); GTSLCN: giá trị sản lượng công nghiệp

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu NBS (các năm)

Hình 14 cho thấy, mức độ kiểm soát và tầm ảnh hưởng của SOEs lên nền kinh tế tại Trung Quốc lớn hơn nhiều so với NSEs nói chung và PEs nói riêng mặc dù tỉ trọng của SOEs trong tổng số doanh nghiệp, GTSLCN, tổng tài sản và tổng mức lợi nhuận đang có chiều hướng suy giảm theo thời gian. Cụ thể, với số lượng SOEs chỉ chiếm 5% tổng số doanh nghiệp, nhưng sản xuất 30% sản lượng công nghiệp, chiếm gần 30% lợi nhuận toàn ngành và sở hữu tài sản xấp xỉ với giá trị tài sản của tất cả các doanh nghiệp ngoài nhà nước (43,7% so với 56,3%).

Mặc dù kinh tế tư nhân giải quyết 50% lao động và đóng góp 1/3 giá trị sản lượng công nghiệp nhưng doanh nghiệp tư nhân và NSEs gặp nhiều bất bình đẳng trong việc đối xử từ khu vực nhà nước. Những hạn chế mà doanh nghiệp tư nhân vấp phải thường là: hạn chế về tín dụng; lĩnh vực đầu tư; thông tin sản xuất kinh doanh; thông tin thị trường; đất đai v.v.

Hình 15: Tỷ lệ cho vay đối với khu vực tư nhân và ngoài nhà nước (%)



Chú thích: Hàn Quốc* là Hàn Quốc giai đoạn 1971 – 1990

Nguồn: Allen et al., (2012)

Hình trên cho thấy tỉ lệ tín dụng của hệ thống ngân hàng dành cho doanh nghiệp tư nhân tại Trung Quốc không chỉ thấp nhất so với nhiều nước và vùng lãnh thổ Đông Bắc Á khác mà còn hầu như không thay đổi trong hơn 10 năm qua. Nếu so với khi mới cải cách thì tỉ lệ tín dụng dành cho khu vực tư nhân đã tăng đáng kể (từ mức thấp nhất là 4% năm 1978) nhưng kể từ sau khi Đặng Tiểu Bình có chuyến du hành phương Nam và khuyến khích sự phát triển của kinh tế tư nhân vào năm 1992 thì tỉ lệ này hầu như không đổi – dao động trong khoảng 15 – 20%.

Về lĩnh vực đầu tư, nghiên cứu cho thấy doanh nghiệp tư nhân trong nước của Trung Quốc thậm chí còn vấp phải sự kì thị và hạn chế nhiều hơn so với doanh nghiệp tư nhân nước ngoài.

Bảng 4: So sánh chính sách gia nhập thị trường đầu tư tại các ngành độc quyền

Dự án	Đầu tư của DN tư nhân nước ngoài	Đầu tư của DN tư nhân trong nước
Các văn bản pháp quy có liên quan đến chính sách/lĩnh vực đầu tư	Cơ sở hạ tầng: “Mục lục chỉ định ngành đầu tư đối với doanh nghiệp nước ngoài” ⁸ Ngành bảo hiểm, tài chính, ngành cơ bản: “Mục lục chỉ định ngành đầu tư đối với doanh nghiệp nước ngoài”, “Công ước quốc tế đối ngoại sau khoa học gia nhập WTO”	Cơ sở hạ tầng: địa phương đưa ra một số phương hướng và nguyên tắc chỉ đạo, biện pháp tạm thời đối với doanh nghiệp tư nhân. Tài chính, bảo hiểm: trung ương và địa phương đưa ra một số phương hướng và nguyên tắc chỉ đạo Ngành cơ bản: trung ương và địa phương đều không đưa ra các phương hướng và nguyên tắc chỉ đạo rõ ràng đối với việc gia nhập thị trường của doanh nghiệp tư nhân
Đường sắt	Khuyến khích hợp tác với địa phương xây dựng và kinh doanh các tuyến đường sắt theo chiều dọc đất nước, hạn chế xây dựng và kinh doanh các tuyến theo chiều ngang.	Bộ Đường sắt không xác định rõ việc cho phép doanh nghiệp tư nhân đầu tư.
Thoát nước thành phố	Đã cho phép tham gia vào lĩnh vực này	Bộ Xây dựng không xác định rõ việc cho phép doanh nghiệp tư nhân đầu tư.
Vận tải đường bộ, thủy	Khuyến khích xây dựng và kinh doanh đường quốc lộ, cầu cống, nhưng hạn chế doanh nghiệp nước ngoài nắm cổ phần không chế về vận tải đường thủy	Bộ Giao thông không xác định rõ việc cho phép doanh nghiệp tư nhân đầu tư.
Sân bay, cảng khẩu	Khuyến khích xây dựng kinh doanh	Không cho phép xây dựng kinh doanh
Tàu điện ngầm	Khuyến khích xây dựng kinh doanh	Không cho phép xây dựng kinh doanh
Tài chính	Xác định rõ trong vòng 5 năm (kể từ khi gia nhập (WTO) sẽ xóa bỏ hạn chế về khu vực và loại khách hàng khi thành lập ngân hàng nước ngoài.	Ngân hàng tư nhân tiến hành nghiên cứu thí điểm tại 5 địa phương nhưng chưa có tiến hành thí điểm chính thức
Chứng khoán	Cho phép tham gia cổ phần thành lập công ty kinh doanh chứng khoán, được phát hành cổ phiếu A, B, H.	Cho phép thành lập công ty kinh doanh chứng khoán.
Bảo hiểm	Xác định trong vòng 5 năm sẽ xóa bỏ mọi hạn chế về nghiệp vụ và khu vực	Ngân hàng nhân dân Trung Quốc chưa quy định rõ về việc cho ngân hàng tư nhân tham gia
Bưu chính	Đã cho phép tham gia vào tất cả các lĩnh vực nghiệp vụ của ngành đồng thời được nắm 50% quyền sở hữu	Việc bóc tách các công ty bưu chính không cho phép tư nhân tham gia
Ô tô	Cho phép tham gia cổ phần vào các ngành ô tô, sau 5 năm gia nhập WTO được nắm cổ phần không chế	Hạn chế tư nhân tham gia
Hàng không dân dụng	Cho phép tham gia cổ phần vào các ngành chế tạo máy bay dân dụng, vận tải dân dụng, tên lửa vận tải dân dụng	Thuộc các doanh nghiệp nhà nước chỉ định, hạn chế tư nhân tham gia

Nguồn: Phạm Sỹ Thành (2011)

Để đánh giá quan hệ giữa chính phủ - SOEs – kinh tế tư nhân có thể xem xét hành vi của các ngân hàng thương mại Trung Quốc hiện nay. Với giá trị tài sản chiếm ưu thế tuyệt đối, các ngân hàng thương mại nhà nước ở Trung Quốc đem lại cảm giác lĩnh vực ngân hàng vẫn là lĩnh vực nằm trong tầm kiểm soát chặt của chính phủ.

Vấn đề của hệ thống ngân hàng Trung Quốc hiện nay:

- Đối với doanh nghiệp: lãi suất thấp được dành cho SOEs và các doanh nghiệp do địa phương chỉ định

⁸ Bản mới nhất được sửa chữa và ban hành năm 2010

- Một lượng lớn tiền gửi của ngân hàng đã được huy động cho mục đích sử dụng của chính quyền địa phương.

Nhìn chung, việc thúc đẩy sự phát triển hơn nữa của khu vực kinh tế tư nhân sẽ vấp phải một số khó khăn sau:

- Tư duy phát triển chậm thay đổi.
- Tác động của nhóm đặc quyền, dẫn đầu bởi các SOEs lớn.
- Hậu thuẫn của nhà nước trong những cam kết về chế độ sở hữu, trong đó khẳng định vị thế của kinh tế nhà nước và vốn nhà nước.
- Kết cấu ngành đã định hình và bị chi phối bởi SOEs và doanh nghiệp FDI.
- Cải cách lĩnh vực tài chính – ngân hàng đã bị xem nhẹ từ năm 2005 và đang tiến triển chậm.

Tài liệu tham khảo:

Allen, Franklin, Jun Qian, Chenying Zhang, and Mengxin Zhao (2012), “China’s Financial System: Opportunities and Challenges”, NBER WP series, No. 17828, Feb

Điền Ngụy, Dư Diệu Kiệt (2011), “Hiệu suất sản xuất của doanh nghiệp và các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp ra nước ngoài – Nghiên cứu thực chứng dựa trên số liệu doanh nghiệp cung cấp”, tập bài tham luận của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc, Đại học Bắc Kinh

Kang, J.S., S. Maziad, và S. Roache (2011), “Quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ: quan hệ giữa thị trường ngoại biên và nội địa”, WP IMF, July

Lư Phong (2012), “Thứ tự ưu tiên của cải cách tài chính tiền tệ - Tìm tòi từ góc độ đồng Nhân dân tệ tự do hoá đổi”, *Quan sát Kinh tế Trung Quốc*, số 29, tháng 4 năm 2012, trang 20 - 42

Phạm Sỹ Thành (2011), *Trung Quốc: Tăng trưởng và chuyển đổi kinh tế (1949 – 2009)*, NXB ĐHQG HN, 6/2011

Phạm Sỹ Thành (2012), “Hướng tới lộ trình thực sự tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước”, đăng trong Nguyễn Đức Thành (chủ biên), *Đối diện thách thức tái cơ cấu kinh tế*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2012, trang 247 – 328

□ NHỮNG BÀI NGHIÊN CỨU KHÁC

NC-28: Khủng hoảng nợ công tại một số nền kinh tế lớn trên thế giới: Nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, biện pháp khắc phục, và những hàm ý chính sách.

NC-27: Đầu tư công “lấn át đầu tư tư nhân? Góc nhìn từ mô hình thực nghiệm VECM, TS. Tô Trung Thành.

NC-26: Nhìn lại kinh tế toàn cầu năm 2011: Khó khăn tích lũy và tương lai ảm đạm, TS. Lê Kim Sa.

NC-25: Sự di cư qua lại Nga-Việt: Những khía cạnh lịch sử, kinh tế-xã hội và chính trị, Alexey Chesnokov.

NC-24: Tổng quan kinh tế Việt Nam 2010, Phạm Văn Hà.

LIÊN HỆ

Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 704, Nhà E4
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3 754 7506 -704/714

Fax: (84-4) 3 754 9921

Email: info@vepr.org.vn

Website: www.vepr.org.vn

Bản quyền © VEPR 2009 - 2013